

Văn học và TUỔI TRẺ



ISSN: 18592686
SỐ THÁNG 3
NĂM 2025

VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Những người phụ nữ tôi yêu

KIM DUẩn 2025



Văn học và TUỔI TRẺ

TẠP CHÍ Toán học & Văn học trong nhà trường

TRONG SỐ NÀY

Số tháng 3 (569)
năm 2025

Độc giả có thể đặt mua các ấn phẩm của Tạp chí tại các bưu cục VNPT trên cả nước với mã đặt như sau: Văn học và Tuổi trẻ **(C668)**, Văn tuổi thơ **(C668.1)**, Toán tuổi thơ 1 **(C169)**, Toán tuổi thơ 2 **(C169.1)**, Toán học và Tuổi trẻ **(C168)**

TOÁN HỌC VÀ VĂN HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG
Journal of Mathematics and Literature in School
TẠP CHÍ CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU SÁCH VÀ HỌC LIỆU GIÁO DỤC

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
Chủ tịch Hội đồng thành viên
kiêm Tổng Giám đốc NXBGDVN
NGUYỄN TIẾN THANH
Tổng biên tập NXBGDVN
PHẠM VĨNH THÁI
Viện trưởng Viện NC Sách & HLGD
LÊ HỒNG SƠN

TỔ CHỨC BẢN THẢO VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG
Phó Tổng biên tập NXBGDVN
PGS.TS. NGUYỄN VĂN TÙNG
Phó Tổng biên tập Tạp chí
TS. LÊ HỒNG MAI

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP
Nhà văn Tạ Duy Anh
GS. TS. Lê Huy Bắc
PGS. TS. Phan Huy Dũng
PGS.TS. Nguyễn Đăng Điệp
PGS.TS. Bùi Mạnh Hùng
PGS.TS. Lê Quang Hưng
PGS. TS. Trịnh Thị Lan
GS. Nguyễn Khắc Phi
GS. TS. Trần Đình Sử
ThS. Trần Tiến Thành
PGS. TS. Nguyễn Thành Thi
Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều
ThS. Nguyễn Văn Thư
Nhà báo Thân Thị Phương Thu

TỔNG BIÊN TẬP
TS. Trần Hữu Nam

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. Lê Hồng Mai
Trần Thị Kim Cương

THƯ KÍ TOÀ SOẠN
Hồ Quang Vinh

BIÊN TẬP
Nguyễn Thị Lan
Nguyễn Hồng Nhung

BÌA – MINH HOẠ
Kim Duẩn

PHÁT HÀNH
Trần Minh Hiền (Trưởng phòng)

HÀNH CHÍNH – TỔNG HỢP
Hoàng Kim Phượng (Trưởng phòng)

TOÀ SOẠN
187B Giảng Võ, P. Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại – Email
* Biên tập: 0243.5122847
vanhocvatuoitre2020@gmail.com
* Phát hành: 0243.5142649
phathanhvantre@gmail.com
* Hành chính: 0243.5121606

8 (V) / GD – 25 534/GP – BTTTT Mã số: **BV06M25**

GPXB số 534/GP - BTTTT ngày 19/11/2020.
In tại Xí nghiệp Bản đồ I – Bộ Quốc phòng
In xong và nộp lưu chiểu tháng 03/2025.

Nhà văn Lê Minh Khuê - *viết để chạm đến những giấc mơ*



Người ta nhắc đến nhà văn Lê Minh Khuê như một "cây truyện ngắn" đầy nội lực của văn học Việt Nam. Thế nhưng, đằng sau ánh hào quang của những giải thưởng và những tác phẩm được đón nhận rộng rãi, bà vẫn lặng lẽ sống và viết với một tâm thế nghiêm cẩn, như một người thợ miệt mài với con chữ. Trong cuộc phỏng vấn này, chúng tôi may mắn được lắng nghe bà chia sẻ về văn chương, cuộc sống và những kí ức chưa bao giờ phai mờ...



PV: Thưa nhà văn Lê Minh Khuê, khoảnh khắc hay lí do nào đã thôi thúc bà cầm bút viết truyện, từ những ngày còn là một cô gái trẻ ra trận cho đến khi nhận ra sức mạnh của văn chương?

Nhà văn Lê Minh Khuê: Từ nhỏ, tôi đã ngại học văn. Ngữ pháp khó, văn nghị luận lại càng khó, tôi rất kém lí luận. Điểm văn thường thấp, nên chưa bao giờ nghĩ mình sẽ viết văn. Nhưng tôi mê đọc sách. Tôi đặc biệt say mê Hemingway khi đọc *Chuông nguyện hồn ai* –



cuốn sách được in năm 1962 (tôi không nhớ chính xác). Khi đi thanh niên xung phong, tôi mang theo *Chuông nguyện hồn ai* và *Phía Tây không có gì lạ* của Remarque. Dù vậy, thời gian đọc rất ít vì chiến tranh ác liệt.

Năm 1968, tôi bị ốm, phải nằm trong Quân y viện. Những ngày xa bạn bè, xa đơn vị, lo lắng vì bệnh tật, tôi đọc lại Hemingway và chợt nghĩ: Tại sao mình không thử viết nhỉ? Thế là tôi bắt đầu viết những bài báo, gửi về báo *Tiền Phong*. Được đăng! Tôi phấn khởi lắm. Rồi tôi thử viết truyện ngắn và dần dần say mê văn chương, bắt đầu nhìn nhận nó với một thái độ "tôn kính" hơn. Có lẽ, chính quãng thời gian nằm Quân y viện, khi nỗi buồn và sự cô đơn bủa vây, đã khiến tôi tìm đến viết lách như một cách để giải toả và cũng từ đó, tôi bước vào con đường văn chương.

PV: Ra trận khi mới 16 tuổi, những trải nghiệm trên chiến trường đã để lại dấu ấn sâu đậm trong tâm trí bà như thế nào? Có kỉ niệm nào đặc biệt trở thành nguồn cảm hứng cho một tác phẩm mà bà không thể nào quên không?

Nhà văn Lê Minh Khuê: Mỗi ngày trong chiến tranh là một trải nghiệm đặc biệt. Sự căng thẳng giữa sống và chết trở thành kí ức không thể nào quên. Hai điều đáng sợ nhất là khi máy bay lao tới, bom rơi xuống đất nghe "bịch bịch" – nghe tiếng rơi rồi mới nghe tiếng nổ. Cảm giác ấy ám ảnh đến mức, đôi khi trong giấc mơ, tôi vẫn thấy nỗi sợ hãi ấy. Trải nghiệm thứ hai là những lần chuyển quân. Đến nơi ở mới, việc đầu tiên là đào một chiếc hầm cá nhân. Công việc ấy vừa cực nhọc vừa đầy lo âu. Đôi lúc, chúng làm chúng tôi "sợ hãi"... Khi

Viết lách đối với tôi là một nhu cầu tự thân. Tôi yêu thích văn chương nên tôi viết, chứ không đặt kì vọng rằng ai cũng sẽ đọc và chia sẻ tình yêu ấy với mình.





viết về chiến tranh, tôi thường né tránh những điều khiến mình sợ hãi đến ám ảnh. Viết về chúng không mang lại hứng thú. Nỗi sợ, đôi khi, không cần nhắc lại quá nhiều.

PV: Thưa nhà văn, bà từng nhấn mạnh nội lực là "hạt nhân" của một nhà văn. Trong quá trình sáng tác, bà đã tìm kiếm, nuôi dưỡng và thể hiện nội lực đó như thế nào?

Nhà văn Lê Minh Khuê: Như tôi đã nói, tôi không muốn nhấn mạnh quá nhiều vào nỗi sợ đeo bám con người trong chiến tranh. Khi ấy, người ta sợ rất nhiều thứ. Nhưng lớp thanh niên cùng trang lứa với tôi đã được trang bị một vũ khí chống lại sợ hãi – đó là niềm tin rằng "con đường ở trước mặt và cuộc sống tốt đẹp luôn chờ ta". Ai cũng mang trong mình niềm tin ấy. Sau này, tôi càng hiểu đó là lí tưởng.

Ví dụ như những nhân vật trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi*. Họ đối diện với cái chết mà không chùn bước, vì họ có lí tưởng, có niềm tin. Điều đó là có thật, không phải sự cường điệu. Sự cổ vũ ấy cũng giống như cảm giác khi có lần tôi chứng kiến người ta hát Quốc ca trong một trận bóng ở sân vận động Hàng Đẫy. Tôi nghĩ đấy là sức mạnh nội tâm của mỗi người. Sự kết hợp tình yêu cuộc sống làm thành một dàn hợp xướng vĩ đại – một sự vững tâm, sự hứng khởi không ai bắt buộc ai. Tôi đã thấy những nhân vật trong *Những ngôi sao xa xôi* xông ra cứu giúp thương binh, cứu hàng hoá bị bom. Nhưng ai cũng tràn đầy sức sống. Nỗi sợ bị đẩy xa.

Khi viết *Những ngôi sao xa xôi*, tôi đã bị cuốn vào nhịp sống thời ấy, những điều tôi vừa trải qua sống dậy mạnh mẽ. Truyện ngắn này có kết tôi rất ưng: *"Tôi yêu tất cả mọi người"*. Tình yêu đó rất thật trong tôi lúc tôi kết truyện ngắn này.

PV: *Những ngôi sao xa xôi* không chỉ là nhan đề tác phẩm mà còn gợi lên nhiều tầng ý nghĩa sâu sắc. Với bà, hình ảnh này mang ý nghĩa như thế nào?

Nhà văn Lê Minh Khuê: *Những ngôi sao xa xôi* đối với tuổi 16 của tôi là một thế giới vừa thực, vừa mơ. Đó là khát vọng được làm

điều gì đó lớn lao, là giấc mơ của tuổi trẻ – ai mà chẳng muốn bay cao? Chỉ khi trưởng thành, con người mới dần hạ giấc mơ của mình xuống những điều thực tế hơn.

Bay đến *"những ngôi sao xa xôi"* luôn là khát khao của con người, nhất là trong chiến tranh, khi nỗi sợ hãi bủa vây. Người ta cần một điều gì đó để bám víu, để giữ vững niềm tin. Bạn bè cùng trang lứa với tôi khi ấy cũng đều có những giấc mơ "vẩn vơ" như vậy, nhưng thực tế, họ đã làm được rất nhiều điều phi thường.

Khi viết *Những ngôi sao xa xôi*, tôi dành trọn tình cảm cho những nhân vật của mình – những cô gái Hà Nội. Tôi gửi gắm vào họ những giấc mơ của chính mình, truyền cho họ tình yêu với thành phố, khi ấy rất đẹp, tràn ngập màu xanh cây cối và có những con đường vắng vẻ. Và cả nỗi nhớ da diết về Hà Nội – một nỗi nhớ luôn xa vời giữa chiến tranh, giữa đói khát và hiểm nguy rình rập.

PV: Qua từng con chữ và từng câu chuyện, bà luôn hướng tới việc truyền cảm hứng cho các bạn trẻ. Nếu có thể, bà mong muốn thế hệ trẻ nhận ra điều gì từ nghệ thuật và cuộc sống của mình, để tự tin viết nên câu chuyện của chính họ?

Nhà văn Lê Minh Khuê: Viết lách đối với tôi là một nhu cầu tự thân. Tôi yêu thích văn chương nên tôi viết, chứ không đặt kì vọng rằng ai cũng sẽ đọc và chia sẻ tình yêu ấy với mình. Nhưng tôi luôn trân trọng những người tìm đến tác phẩm của mình, dù ít hay nhiều, bởi đó là một sự đồng cảm đặc biệt mà bất kì nhà văn nào cũng cần phải biết ơn.

Ngày nay và cả trong tương lai, khi công nghệ ngày càng chi phối mạnh mẽ đời sống, có thể văn học sẽ không còn là mối quan tâm của số đông. Nhưng tôi tin rằng, vẫn sẽ có những người trẻ muốn kể lại câu chuyện của thế hệ mình. Văn học là một loại hình nghệ thuật đặc biệt – không gì có thể thay thế sức mạnh của ngôn từ trong việc truyền tải cảm xúc. Nếu bạn muốn kể một câu chuyện, hãy viết. Hãy để ngôn từ của bạn chạm đến những tâm hồn đồng điệu.

PV: Trước khi khép lại cuộc trò chuyện, bà có thể giới thiệu đến độc giả một tác phẩm mới mà bà tâm đắc nhất không?

Nhà văn Lê Minh Khuê: Tôi có viết một số truyện ngắn mới. Sức khoẻ không cho phép làm việc như trước – nhưng viết lách vẫn là việc khiến tôi thấy vui. Thấy mình chưa bị "loại"...

Và tôi muốn nói thêm một điều không mới nhưng luôn quan trọng: hãy yêu quý tuổi trẻ của mình.



Thuỳ Dương thực hiện

Từ "hương" trong *Truyện Kiều*

TS. Nguyễn Thị Nhàn

Từ xưa đến nay, tiếp nhận văn chương luôn có nhiều con đường khác nhau. Dù chọn lối đi nào, độc giả vẫn quan tâm đến giá trị đích thực của sáng tác nghệ thuật. Những giá trị ấy hàm chứa trong cái biểu đạt (hình thức) và cái được biểu đạt (nội dung). Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức tạo nên một quan hệ biện chứng tất yếu. Cuộc tìm kiếm không ngừng và kì vọng lớn nhất của người nghiên cứu nghệ thuật là thấu triệt sâu sắc mối quan hệ ấy. Ở mỗi nhà văn, mỗi thể loại, mỗi tác phẩm đều có cách lựa chọn và sử dụng vốn từ riêng để biểu đạt hiệu quả ý nguyện nghệ thuật của mình. Bài viết này khảo sát từ *"hương"* trong *Truyện Kiều*. Chúng tôi xem xét tần số xuất hiện của từ *"hương"* trong văn mạch tác phẩm, nghĩa gốc của từ này, sự chuyển nghĩa cũng như giá trị biểu cảm và thẩm mĩ của nó trong mạch truyện – đặc biệt là *chú ý nghệ thuật của ngòi bút khi khắc khắc hoạ chân dung nhân vật nữ.*

Nghĩa gốc của từ *"hương"* được cắt nghĩa qua các công trình *Từ điển Hán Việt*[1], *Từ điển tiếng Việt*[2] có nét nghĩa tương đồng là *mùi thơm.*

Trong đời sống, hương thơm được sử dụng khá sớm và không ít trường hợp, nó chính là những biểu tượng văn hoá. Cổ xưa, con người dùng hương thơm trong các nghi lễ tôn giáo: *"Hương thơm dễ chịu được nói đến trong lễ điển Thiên Chúa giáo, [...]. Các chất thơm có vai trò đặc biệt trong các nghi lễ của người Do Thái cổ. Trong các nghi lễ tôn giáo của người Hy Lạp và người La Mã, hương thơm được sử dụng rộng rãi [...]. Ở Ai Cập, các tinh hương thơm được chưng cất và đem trộn với nhau trong các đền thờ [...]*[3]*. Ngoài ra, theo giới nghiên cứu, hương thơm còn liên quan đến "sự nhận thức của lương tâm", đến tâm lí và kích thích những xúc cảm của con người"*[4].

Truyện Kiều là kết tinh thể loại truyện thơ Nôm. Dường như Nguyễn Du nhận về mình những nghiệm sinh sâu sắc, những thành tựu của tiền nhân để làm nên một thiên truyện kiệt tác. Từ một sáng

tác tiểu thuyết chữ Hán của người Trung Hoa, Nguyễn Du đã tái tạo một thế giới nghệ thuật mới, làm nên trứ tác truyện thơ của dân tộc trong dòng văn chương chữ Nôm.

Theo khảo sát, thống kê, *Truyện Kiều* có 45 lần xuất hiện chữ *"hương"*. Riêng chữ *"hương"* liên quan đến mùi thơm là 37 lần. Cũng qua thống kê, còn có con số khá thú vị: 27/37 lần chữ *"hương"* gắn với nhân vật Thuý Kiều, 4 lần gắn với nhân vật Đạm Tiên, 2 lần liên quan đến nhân vật Hoạn Thư. Ngoài ra, chữ *"hương"* còn xuất hiện rải rác từ dòng thơ 60 tới dòng 3189 của tác phẩm. Ý nghĩa và sắc thái biểu hiện của chữ *"hương"* cũng khá đa dạng.

Chữ *"hương"* trong *Truyện Kiều* mang nhiều sắc vẻ. Ở đây, chúng tôi khảo sát từ *"hương"* theo mạch trần thuật và sự gắn kết của nó với từng nhân vật. Nếu xét theo trình tự kể, chữ *"hương"* gắn với linh hồn người mệnh bạc – kĩ nữ Đạm Tiên – xuất hiện sớm nhất trong *Đoạn trường tân thanh* (4 lần). Khi được sử dụng trong ngữ cảnh liên quan đến Đạm Tiên, chữ *"hương"* mang bốn lớp nghĩa.

Nghĩa thứ nhất, *"hương"* dùng để chỉ *nén hương* (nhang), vật được thắp lên khi hành lễ. Thuý Kiều đã thắp hương trước mộ Đạm Tiên:

*Mà đây **hương khói** vắng tanh thế mà?*
(D. 60)

*Sẵn đây ta kiếm một vài **nén hương**.*
(D. 92)

Nghĩa thứ hai và nghĩa thứ ba, *"hương"* vừa chỉ *mùi thơm* toả ra từ cây nhang, vừa mang ý nghĩa tâm linh, gợi lên *hương hồn* của người ca nữ mệnh bạc. Hình ảnh ấy như hoá thân, quấn quýt trong làn khói hương và trở nên linh hiển, khó có thể phân tách rạch ròi trong ngôn từ nghệ thuật mà Nguyễn Du đã diễn tả:

Một lời nói chửa kịp thưa,
Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay.
Ào ào đổ lộc rung cây,
*Ở trong dường có **hương bay** ít nhiều.*
(D. 119 – 122)

***Hương thừa** dường hãy ra vào đâu đây.*
(D. 216)

Cũng về câu chuyện tâm linh này, *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới* cho biết: *"Các hương thơm là tên gọi các Gandharva, tức là những sinh linh trên trời, không những không toát ra mà lại sống bằng những chất thơm..."* (5).

Tại bãi tha ma trong chiều tà ma mị, Thuý Kiều thắp hương khấn lạy người dưới mộ thì *"trận gió"*, *"Ào ào đổ lộc rung cây,/ [...]/ Dấu giày*

Theo khảo sát, thống kê, *Truyện Kiều* có 45 lần xuất hiện chữ *"hương"*. Riêng chữ *"hương"* liên quan đến mùi thơm là 37 lần. Cũng qua thống kê, còn có con số khá thú vị: 27/37 lần chữ *"hương"* gắn với nhân vật Thuý Kiều, 4 lần gắn với nhân vật Đạm Tiên, 2 lần liên quan đến nhân vật Hoạn Thư. Ngoài ra, chữ *"hương"* còn xuất hiện rải rác từ dòng thơ 60 tới dòng 3189 của tác phẩm. Ý nghĩa và sắc thái biểu hiện của chữ *"hương"* cũng khá đa dạng.



từng bước in rêu rành rành" (D.121 - 124) của Đạm Tiên đã trở về dương thế. Đạm Tiên là một ca nhi chết lúc tuổi đời còn xuân trẻ (*Nửa chừng xuân thoắt gãy cành* ***thiên hương*** – D. 66). Đấy là cái chết không thuận xuôi như vòng đời sinh học (sinh, lão, bệnh, tử). Theo quan niệm xưa nay, người chết như thế rất linh thiêng. Linh hồn người ca nữ ấy vẫn "ấm ức" muốn quay về trần gian này để cật vấn nhân thế? Tâm thức này cũng được Nguyễn Du tái hiện khá sâu sắc trong *Văn tế thập loại chúng sinh.*

Nét nghĩa thứ tư của chữ *"hương"* gắn với Đạm Tiên là để chỉ *sắc đẹp – nữ sắc*: *"cành* ***thiên hương****"* (*Nửa chừng xuân thoắt gãy cành* ***thiên hương*** – D. 66). Bởi vậy, khi Đạm Tiên chết, nàng vẫn như hương hoa còn mãi. Đêm về, Thuý Kiều lại mơ thấy Đạm Tiên. Mặc dù, lúc bấy giờ không hề có nén hương nào được thắp lên, nhưng hương thơm phảng phất cứ bao trùm căn phòng khuê nữ (***Hương thừa*** *dường hãy ra vào đâu đây* – D. 216). Hương thơm và bóng ma nữ chập chờn, quấn quýt, biến ảo. Những người con gái như Đạm Tiên đã lìa cõi thế mà hương hồn chẳng tuyệt. Hương hồn ấy quyến luyến, tiếc nuối, ngậm ngùi nỗi nhân sinh!

Tiếp đến là chữ *"hương"* xuất hiện 27 lần, liên quan tới Thuý Kiều. Nếu theo vị trí có mặt của chữ *"hương"* cùng với nhân vật thì *hương để chỉ hương vị tình yêu lứa đôi quấn quýt* xuất hiện sớm nhất: *"****Hương*** *gây mùi nhớ, trà khan giọng tình"* (D. 256).

Đó là khi Kim Trọng mơ tưởng đến Thuý Kiều. Tiếp đến là *"**Hoa hương** càng tỏ thức hồng"* (D. 497) khi chàng trai và cô gái bên nhau, tình cảm đắm say. Khi Kim Trọng và Thuý Kiều giao duyên, người con gái ý vị, giữ gìn, nàng lại "nhắc khéo" chàng trai về câu chuyện *"gìn vàng giữ ngọc"*. Nàng ngại ngần, sợ phôi pha tình cảm nồng đượm: *"Mái tây để lạnh **hương nguyền**/ Cho duyên đằm thắm ra duyên bẽ bàng"* (D. 517 – 518). Khi dứt tình, phải trao duyên cho Thuý Vân, Thuý Kiều than cho duyên phận mỏng và xót thương thân, xót tình yêu chung thuỷ, nàng đã thốt lên: *"Tái sinh chưa dứt **hương thề**,/ Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai"* (D. 707 – 708).

Chữ *"hương"* gắn với Thuý Kiều cũng mang nét nghĩa chỉ *sắc đẹp* của nàng (*thiên hương, hương trời*):

*Đã nên quốc sắc **thiên hương**,*

(D. 825)

*Than ôi! Sắc nước **hương trời**!*

(D. 1065)

*Thì đà đắm ngọc, **chìm hương** cho rồi!*

(D. 2638)

Thuý Kiều hay Đạm Tiên và những người con gái tuyệt sắc được tôn vinh là *"hương trời"*, là hoa sắc. *Hương thơm* luôn vương vất, bao bọc quanh nữ nhân Thuý Kiều. Những nữ trang, những không gian khi nàng xuất hiện đều có hương thơm. Nơi vườn đào, khi Thuý Kiều đã *"vắng tanh"*, mà ở đó, Kim Trọng vẫn nhận ra *"**Hương** còn thơm nức, người đà vắng tanh."* (D. 292). Thậm chí, cành kim thoa của nàng, chàng Kim có được cầm trên tay, đêm về *"Hãy còn thoang thoảng **hương trầm** chưa phai"* (D. 300). Có thể thấy, hương nữ tính đã níu giữ trái tim chàng trai. Tình yêu hướng về người con gái toả hương. Ngay cả xiêm áo lụa là của nàng Kiều cũng quấn quýt mùi hương khó giấu: *"Dải là **hương lộn**, bình gương bóng lồng"* (D. 454). Nơi Thuý Kiều ở cũng thơm: *"Thiếp hồng tìm đến **hương khuê** gởi vào"* (D. 1280), *"Chạy vào chốn cũ **phòng hương**"* (D. 1661). Đọc đến đây, tôi chợt nhớ về nơi suối nguồn dân gian – nhớ tới một lời ca dao đẹp và lạ:

Hoa thơm, thơm lạ, thơm lừng,
Thơm gốc, thơm rễ, người trồng cũng thơm.

Dường như có thi điệu của đồng quê thân thương trong hồn thơ họ Nguyễn! Tố Như đã từng lắng trong thẳm sâu lời ca của người nghệ sĩ đồng quê, học lời ăn tiếng nói của người quê kiểng trồng dâu, trồng gai (*Thôn ca sơ học tang ma ngữ – Thanh minh ngẫu hứng*). Ông lại tiếp thu "văn hoá quý tộc", "văn hoá giới tính" của người Trung Hoa, hoà

quyện chất hào hoa Thăng Long, "như con ong hút nhuỵ", người thơ tài hoa ấy đã đem về cho đời vị mật ngọt mê đắm lòng người.

Chút *hương nữ tính* kia đã làm nên đặc trưng nghệ thuật trong cảm nhận tinh tế, sự nâng niu, trân trọng của Tố Như và cái nhìn hướng dương nữ nhân của những cây bút khác khi miêu tả vẻ đẹp giới nữ.

Chữ *"hương"* đi cùng Thuý Kiều còn là *hương mặn nồng phu thê* để diễn tả những cung bậc tình cảm khác nhau. Đấy là quãng sống hạnh phúc vợ chồng chung đôi giữa Thúc Sinh và Thuý Kiều trong những tháng ngày xuân trẻ, khi nàng vừa được Thúc Sinh cứu ra khỏi lầu xanh (***Hương** càng đượm **lửa** càng nồng* – D. 1383); đó cũng là cuộc sống vợ chồng đang nồng đượm giữa Thuý Kiều và Từ Hải trong thời gian ngắn ngủi, bỗng chốc dở dang, Từ Hải "thoát" ra đi "*Nửa năm **hương lửa** đương nồng/ Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương*" (D. 2213 – 2214).

Nhân vật Hoạn Thư xuất hiện cùng chữ *"hương"* hai lần. Nàng về thăm Hoạn phủ bằng *"xe hương"* (***Xe hương** nàng cũng thuận đường quy ninh* – D. 1606). Nơi nàng ở cũng là *"**Nhà hương** cao cuốn bức là"* (D. 1803). Rõ ràng, chữ *"hương"* chỉ xuất hiện cùng Hoạn tiểu thư ở những phương tiện để nàng ấy đi lại và phủ các nơi nàng ấy ở. *"Hương"* ở đây không nhằm tô điểm vẻ đẹp nữ sắc mà quy tụ về hương vị quyền quý cao sang luôn bao bọc cuộc sống người phụ nữ danh gia vọng tộc. *"Hương"* là để tôn vinh vẻ đài các của nhân vật này.

Những dẫn dụ từ *"hương"* trong *Truyện Kiều* vừa quen, vừa lạ. Những nét nghĩa không mới so với các cây bút truyện thơ Nôm thể hiện, song Nguyễn Du vẫn đem lại cho chúng những ý vị lấp lánh riêng. Có lẽ, nhờ sự "cụ thể hoá" đối với từng nhân vật nữ, từng tình huống trữ tình, nhờ sự tinh tế, nhạy cảm mong manh trước cái đẹp trong tâm hồn thi nhân,...!

Chú thích:

(1) Thiều Chửu (2002), *Từ điển Hán Việt*, NXB Văn hoá thông tin, tr. 512.

(2) Hoàng Phê (Chủ biên) (1995), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học, tr. 457.

(3) Jean Chevalier – Alain Gheerbrant (Phạm Vĩnh Cư dịch – 2002), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, NXB Đà Nẵng – Trường Viết văn Nguyễn Du, tr. 461.

(4) Xin xem mục *Hương thơm*: Jean Chevalier – Alain Gheerbrant (Phạm Vĩnh Cư dịch – 2002), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, Sđd, tr. 461 – 462.

(5) Jean Chevalier – Alain Gheerbrant (Phạm Vĩnh Cư dịch – 2002), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, Sđd, tr. 462.

Không chỉ là nỗi nhớ

(Về bài thơ *Nhớ* của Nông Quốc Chấn)

ThS. Đỗ Nguyên Thương
Nguyên Chánh Thanh tra, Sở GD&ĐT Phú Thọ

Nhớ

Đèn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt...
(Ca dao)

Con suối nhớ ai
Róc rách róc rách
Đêm đêm ngày ngày
Nhắc thầm không trách.

Con chim nhớ ai
Bay đi bay lại
Mây chiều nắng mai
Xa xôi không ngại.

Cái nón nhớ ai
Dầm mưa dãi nắng
Đi trên đường dài
Không quên lời dặn

Chiếc khăn nhớ ai
Bời bời trong óc
Chỉ màu không phai
Trùm lên mái tóc.

Chiếc cày nhớ ai
Sáng chiều xới đất
Con trâu chiếc vai
Hẹn mùa lúa tốt.

Chiếc quạt nhớ ai
Bay như cánh bướm
Gió thoảng bên người
Lòng thêm mát đượm.

Ngọn đèn nhớ ai
Suốt đêm không ngủ
Như mắt canh trời
Bừng bừng tia lửa.

Ai nhớ cứ nhớ
Ai đi cứ đi
Chiến trường súng nổ
Thắng giặc, lại về!

Đây là bài thơ gây ấn tượng sâu sắc nhất với tôi trong số những tác phẩm để đời của nhà thơ Nông Quốc Chấn. Nhan đề ngắn gọn, giàu sức gợi, dễ khiến người ta liên tưởng đến một bài thơ tình yêu đôi lứa. Thế nhưng, khi đọc kĩ, ta mới nhận ra rằng nội dung bài thơ không hoàn toàn giống với những suy đoán ban đầu.

Mở đầu bài thơ, nhà thơ mượn câu ca dao:

Đèn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt...

(Ca dao)

Như một lời đề từ, câu mở đầu cuốn hút người đọc bằng sức gợi và liên tưởng từ câu ca dao quen thuộc – gắn liền với tuổi thanh xuân một thuở, khi người ta còn e ấp, ngượng ngùng nói về tương tư, về tình yêu đôi lứa. Và chính câu ca ấy dẫn dắt người đọc đến bài thơ gồm tám khổ, mỗi khổ bốn câu, mỗi câu bốn chữ.

Bảy khổ thơ đầu lần lượt nhắc đến các chủ thể của nỗi nhớ: con suối, con chim, cái nón, chiếc khăn, chiếc cày, chiếc quạt và ngọn đèn. Chúng đều là những sự vật của thiên nhiên hoặc những vật dụng quen thuộc trong đời sống, đặc biệt gắn liền với người dân miền núi. Trong các khổ thơ này, nghệ thuật nhân hoá đã được sử dụng để thổi hồn vào sự vật, khiến chúng mang theo nỗi niềm, cảm xúc như con người.

Con suối nhớ ai
Róc rách róc rách
Đêm đêm ngày ngày
Nhắc thầm không trách.

Chỉ một khổ thơ ngắn, tác giả đã sử dụng nhiều từ láy, làm nổi bật hình ảnh và âm thanh của thiên nhiên. Dưới ánh nhìn của thi nhân, tiếng suối *"Róc rách róc rách"* không chỉ là âm thanh bình thường mà còn chất chứa nỗi nhớ. *"Nhớ ai"* là cụm từ mang tính phiếm chỉ, thường xuất hiện trong ca dao xưa. Điểm khác biệt ở đây là dòng suối chảy *"Đêm đêm ngày ngày"*, tượng trưng cho dòng chảy thời gian miên viễn, không ngừng nghỉ, nhưng lại *"Nhắc thầm không trách"*. Hình ảnh con suối hiền hoà, bao dung gợi lên bóng dáng người con gái ngóng đợi người thương đi xa. Nỗi nhớ ấy không oán trách, không bi luỵ, mà chỉ đơn thuần là sự mong ngóng, đợi chờ trong lặng lẽ. Và rồi...

Con chim nhớ ai
Bay đi bay lại
Mây chiều nắng mai
Xa xôi không ngại.

Mỗi câu thơ chỉ có một thanh trắc, còn lại ba phần tư là thanh bằng. Cả đoạn thơ với phần lớn thanh bằng tạo nên một hiện tượng độc đáo, góp phần làm nên vẻ đẹp và dấu ấn riêng của bài thơ. Nhịp điệu ấy gợi cảm giác mênh mang, dàn trải, rất phù hợp với hình ảnh sải cánh của loài chim. Hình ảnh *"Bay đi bay lại"*, không ngại xa xôi, phải chăng còn là một phép nhân hoá, thể hiện sự kiên trì, bền bỉ và nhẫn nại của người ở lại, âm thầm chờ đợi người đi xa?

Cái nón nhớ ai
Dầm mưa dãi nắng
Đi trên đường dài
Không quên lời dặn

Chiếc nón vốn là vật dụng thân thiết của người con gái, nên khi nói *"Cái nón nhớ ai"*, cũng chính là ẩn dụ cho nỗi niềm nhớ nhung của họ. Dù cuộc sống có trải qua bao khó khăn, dù thời gian có kéo dài theo nỗi mong ngóng, chờ đợi, thì vẫn *"Không quên lời dặn"* – nghĩa là vẫn vẹn tròn thuỷ chung.

Chiếc khăn nhớ ai
Bời bời trong óc
Chỉ màu không phai
Trùm lên mái tóc.

Cũng như *"Cái nón nhớ ai"*, hình ảnh *"Chiếc khăn nhớ ai"* cũng đi theo cùng một motif nghệ thuật, cùng cách diễn đạt, nhưng lại mang sắc thái riêng. Nếu chiếc nón dãi dầu mưa nắng, theo người con gái suốt những chặng đường dài, thì chiếc khăn lại gắn bó gần gũi hơn, vừa là nét duyên dáng, vừa giúp giữ ấm cho cơ thể. Khăn được nhân hoá, mang theo nỗi nhớ *"Bời bời trong óc"* và tượng trưng cho sự thuỷ chung qua hình ảnh ẩn dụ *"Chỉ màu không phai"*. Không thể phủ nhận, nhà thơ Nông Quốc Chấn thực sự tài hoa. Cách diễn đạt của ông giản dị mà sâu sắc, ngôn từ giàu sức biểu cảm, hình ảnh thơ phù hợp với không gian, thời gian và hoàn cảnh sáng tác, để lại trong lòng độc giả những ấn tượng nhẹ nhàng, sâu lắng.

Cũng với cách diễn đạt ấy, *"chiếc cày"* và *"chiếc quạt"* không chỉ đại diện cho nỗi nhớ, niềm thương mà còn mang sức ám ảnh mạnh mẽ, khi nhà thơ tiếp tục vận dụng ngữ liệu ca dao:

Ngọn đèn nhớ ai
Suốt đêm không ngủ
Như mắt canh trời
Bừng bừng tia lửa.

"Ngọn đèn nhớ ai/ Suốt đêm không ngủ" là một biến thể đầy sáng tạo từ câu ca dao quen thuộc *"Đèn thương nhớ ai/ Mà đèn không tắt..."*, gợi lên sự gần gũi, thân thuộc với người đọc. Điểm nhấn đặc biệt trong khổ thơ này chính là hình ảnh *"Như mắt canh trời/ Bừng bừng tia lửa"*. Hình ảnh ngọn đèn không chỉ mang nỗi nhớ mà còn mang khí phách kiên cường, ánh sáng của nó tựa đôi mắt thức trắng, canh giữ bầu trời, sẵn sàng bừng lên như tia lửa của ý chí và niềm tin.

Và kết thúc bài thơ:

Ai nhớ cứ nhớ
Ai đi cứ đi
Chiến trường súng nổ
Thắng giặc, lại về!

Những lời thơ ấy thật độc đáo – độc đáo bởi lối diễn đạt giản dị nhưng giàu sức lay động. Thơ không cầu kì trong lựa chọn ngôn từ, bởi lẽ *"thơ chính là tiếng lòng"* (như cách nói của Diệp Tiếp), và ở đây, tiếng lòng ấy chân thật, mạnh mẽ.



Bài thơ khép lại, nhưng dư âm vẫn vang vọng. Dù xuất hiện những từ ngữ gắn liền với chiến tranh như *"chiến trường"*, *"súng nổ"*, nhưng không hề gợi lên sự lo lắng, gian khổ hay hi sinh, mất mát. Trái lại, lời thơ toát lên tinh thần lạc quan và niềm tin vững chắc vào ngày chiến thắng.

Bài thơ *Nhớ* của Nông Quốc Chấn khép lại nhưng dư âm vẫn vang vọng, như dòng suối róc rách chảy mãi trong tâm hồn người đọc. Không chỉ là tiếng lòng của một cá nhân, bài thơ còn là sự kết tinh của tình yêu quê hương, nghĩa tình con người và niềm tin lạc quan trong kháng chiến. Với lối viết giản dị mà sâu sắc, giàu hình tượng và đậm chất dân gian, *Nhớ* không chỉ ghi dấu ấn trong sự nghiệp thơ ca của Nông Quốc Chấn mà còn góp phần làm phong phú thêm dòng chảy thơ trữ tình Việt Nam. Chính sự chân thật và dung dị ấy đã làm nên sức sống bền bỉ của bài thơ, khiến nó trở thành một tác phẩm đi cùng năm tháng, chạm đến trái tim bao thế hệ độc giả.

Văn học trinh thám: *đặc điểm thể loại và một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu*

PGS.TS. Nguyễn Văn Tùng

Văn học trinh thám là thuật ngữ chỉ một dòng văn học đã chính thức ra đời và phát triển từ khoảng giữa thế kỉ XIX. Chủ yếu tồn tại dưới hình thức tiểu thuyết hoặc truyện ngắn, mỗi tác phẩm trinh thám thông thường là một cuộc hành trình đi tìm những kẻ gây tội ác trong một vụ án nào đó. Sự ra đời và phát triển của văn học trinh thám là hệ quả tất yếu của hoàn cảnh xã hội. Sự phát triển của khoa học công nghệ, công nghiệp, đô thị, kinh tế,... kéo theo đó biết bao nhiêu hệ luỵ. Cuộc sống nhân loại bị phân hoá ngày càng sâu sắc, mãnh liệt thành nhiều tầng lớp giàu – nghèo, nhiều thế lực đối lập về quan điểm chính trị, vì thế sự cạnh tranh quyền lợi và tội ác cũng có chiều hướng gia tăng. Trong hoàn cảnh ấy, văn học trinh thám đã xuất hiện. Sự ra đời của văn học trinh thám đáp ứng nhu cầu của người đọc nhằm nâng cao ý thức tự vệ, khả năng phát hiện và chống lại cái ác; rèn cho con người tư duy logic, khả năng phán đoán chính xác và phản ứng nhanh. Cấu trúc của mỗi tác phẩm văn học trinh thám, vì thế, hết sức chặt chẽ. Các tình tiết luôn được sắp xếp một cách cực kì hợp lí. Người kể chuyện phải vận dụng tối đa khả năng hư cấu, tưởng tượng, ngôn ngữ,... của mình để dẫn dắt câu chuyện, khơi gợi sự hồi hộp và kích thích người đọc khám phá bí ẩn của tội ác. Do đó, cốt truyện của tiểu thuyết và truyện ngắn trinh thám là một yếu tố nghệ thuật luôn giữ một vai trò cực kì quan trọng đối với sự thành công của tác phẩm. Cốt truyện đi theo tiến trình hé mở dần những lớp màn bí ẩn của một vụ án. Ngôn ngữ văn học trinh thám, do vậy, cũng ít mang tính hàm ý, đa nghĩa. Nhân vật trung tâm của các tiểu thuyết, truyện ngắn trinh thám thường là các thám tử tài năng... Truyện trinh thám của những nhà văn bậc thầy có thể khiến người đọc tin tưởng một cách tuyệt đối, rằng tác giả thực sự là người trực tiếp

tham gia vào câu chuyện ở tất cả các vai khác nhau: là thám tử, là tội phạm, là người bị hại,... Câu chuyện được nhà văn dựng lên một cách hoàn hảo, thật hơn cả sự thật, khiến người đọc không thể tìm ra được một chi tiết sơ suất, vênh lệch nào.

Chẳng hạn, kiệt tác trinh thám *Bí mật của Marie Roger* của Edgar Poe kể về một vụ án giết người, mà nạn nhân là cô gái bán thuốc lá tại một cửa hiệu ở bang New Jersey, đã khiến những người đọc cực đoan nghi ngờ hung thủ tạo nên cái chết của cô gái ấy chính là nhà văn Edgar Allan Poe. *Bí mật của Marie Roger* của Poe được xây dựng trên cơ sở một vụ án có thực vào mùa hè năm 1841 ở bang New Jersey. Năm đó, người ta phát hiện trên dòng sông Hudson có xác chết của một cô gái trẻ. Cô gái ấy được xác định là Marie Roger, 21 tuổi, làm việc ở một cửa hiệu bán thuốc lá. Khi ấy, Edgar Poe đang làm biên tập viên văn học ở tạp chí *Grew* thuộc bang Philadelphia và đã khá nổi tiếng với bạn đọc. Khi vụ án cô gái bán thuốc lá xảy ra, ông lập tức bắt tay vào việc tìm hiểu, thu thập tài liệu chuẩn bị viết. Bằng sự cẩn trọng, tinh tế và bằng khả năng tưởng tượng hết sức điêu luyện, Poe đã hoàn thành truyện *Bí mật của Marie Roger* và ra mắt bạn đọc vào cuối năm 1842, đầu năm 1843. Tác phẩm hoàn toàn chinh phục được người đọc bởi lối kể chuyện hồi hộp, hấp dẫn; bởi sự sắp xếp tài tình của những dữ kiện... Vụ án cô gái bán thuốc lá khi vào truyện được thay đổi một chút. Thành phố New York trở thành Thủ đô Paris của nước Pháp và dòng Hudson được đổi là dòng sông Seine. Cuối truyện, nhà văn hé mở hung thủ giết cô gái là một sĩ quan hải quân có nước da bánh mật. Trước khi bị sát hại ba năm, cô gái này đã từng theo chàng hải quân và vắng mặt suốt một tháng. Tuy nhiên, tên của hung thủ thế nào thì không ai biết. Người ta nói rằng, chỉ với *Bí mật của Marie Roger* thì Poe cũng xứng đáng là nhà văn bậc thầy. Tuy nhiên, cũng vì những tình tiết của câu chuyện quá thuyết phục, quá hợp lí, quá sinh động, mà không ít người đọc cho rằng hung thủ giết cô gái trẻ Marie Roger chính là Edgar Allan Poe. Người ta đồn rằng, dù đang làm việc ở bang Philadelphia, nhưng biết đâu trong thời gian đó ông cũng từng lai vãng tới New Jersey, từng đến cửa hiệu của Marie mua thuốc lá và từng buông lời tán tỉnh cô nhưng không được đền đáp. Hơn nữa, hung thủ được nhận dạng là người có nước da bánh mật, thì đó cũng chính là một đặc điểm rất dễ nhận thấy ở Poe! Nhưng may sao, đó chỉ là ý kiến của những bạn đọc cực đoan. Nghi án đó không ảnh hưởng đến tên tuổi của Poe, mà ngược lại, nó đã nói lên rất nhiều về tài năng viết truyện trinh thám của ông.

Edgar Allan Poe còn được các nhà phê bình văn học châu Âu ghi nhận là người khai sinh cho dòng văn học trinh thám với tác phẩm *Vụ án mạng trên phố Morgue* được ra mắt bạn đọc vào ngày 20 tháng 4 năm 1841. Về tiểu sử và quá trình sáng tác, Poe cũng có khá nhiều điểm đặc biệt. Ông sinh ngày 19 tháng 1 năm 1809 tại bang Massachusett trong một gia đình nghệ sĩ. Khi chưa chào đời thì bố của Poe đã chết. Mẹ của Poe cũng ra đi khi cậu bé vừa tròn ba tuổi. Poe được một gia đình buôn thuốc lá giàu có nhận về nuôi. Sau khi học hết phổ thông, Poe vào Đại học Virginia và học ở đó một năm thì gia nhập quân đội (1827). Cùng năm đó, Poe cho ra mắt cuốn sách đầu tiên của mình. Khi vào quân ngũ, Poe đã thi đỗ vào Học viện quân sự West Point, nhưng cũng bỏ dở vì say mê nghiệp văn chương. Ông từ trần ở Baltimore năm 1849 khi mới 40 tuổi vì một nguyên do khá bí ẩn. Ông được đưa vào viện trong tình trạng bất tỉnh. Poe có hồi tỉnh, tuy nhiên tâm thần bất thường, luôn miệng tranh luận với một người nào đó trong tưởng tượng rồi cấm khẩu và tắt thở. Người ta phỏng đoán ông đã bị một con thú dại nào đó như con chó hoặc con mèo cắn truyền nọc độc.

Trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, Poe đã liên tục trải qua nỗi đau vì thiếu vắng, mất mát người thân. Lúc bé là bố và mẹ, sau này là vợ, tất cả đều từ giã cõi đời vì bệnh lao phổi... Có lẽ, bởi thế mà trong những trang viết của ông, người ta thường nhận thấy nỗi ám ảnh của cái chết, nỗi buồn và tình yêu. Trong những tác phẩm trinh thám lừng danh thế giới như V*ụ án mạng ở phố Morgue, Bí mật của Marie Roger* và *Bức thư bị đánh cắp*, Poe đã vận dụng phương pháp phân tích khoa học, tư duy sắc sảo cùng khả năng phán đoán tinh tường. Với tầm hiểu biết uyên thâm về nhiều lĩnh vực như tâm lí học, tội phạm học, kiến trúc, hội hoạ, hoá học, sinh học,... ông đã hoàn toàn chinh phục được bạn đọc rộng rãi. Người ta cho rằng đóng góp lớn nhất của Poe đối với thể loại văn học trinh thám chính là việc xây dựng thành công nhân vật thám tử Dupin – một người hùng đơn độc với tính cách lập dị. Dupin thường xuyên xuất hiện trong các truyện trinh thám của Poe và trở thành một nhân vật điển hình của văn học trinh thám thế giới. Nhắc đến Poe, không thể không nhắc đến Dupin. Kế thừa ông, những nhà văn trinh thám lão luyện như Conan Doyle đã tạo nên thám tử Sherlock Holmes, Agatha Christie xây dựng nhân vật Hercule Poirot, hay Gaboriau sáng tạo ra cảnh sát Lecoq,...

Conan Doyle, cha đẻ của thám tử Sherlock Holmes từng thổ lộ, trong thời thơ ấu, nhân vật văn học được ông yêu mến nhất là Dupin. Conan Doyle (1859 – 1930) là nhà văn trinh thám người Scotland, có

tên đầy đủ là Arthur Conan Doyle. Ông từng theo học ngành Y tại Đại học Edinburgh. Năm 1885, ông hoàn thành luận án Tiến sĩ. Ông từng hai lần mở phòng khám riêng nhưng đều không thành công. Sớm nhận ra điều đó, ông đã chuyển sang viết truyện trinh thám và thành công lớn ở lĩnh vực này. Nhắc đến Conan Doyle, người ta không thể không nhắc đến nhân vật trinh thám nổi tiếng khắp năm châu Sherlock Holmes của ông. Sherlock Holmes đã chiếm được cảm tình của bạn đọc bất cứ nơi đâu anh ta xuất hiện. Người đọc còn yêu mến, biết tên nhân vật này nhiều hơn là nhà văn. Cho dù vậy, có những lúc Conan Doyle đã chán ngán Sherlock Holmes và quyết định "giết" Holmes khi để nhân vật này cùng với Moriarty rơi xuống thác nước trong truyện *Vấn đề cuối cùng*. Tuy nhiên, trước áp lực của người đọc, Conan Doyle buộc phải cho Holmes tái sinh với lời giải thích rằng thực ra chỉ có Moriarty rơi xuống thác nước, còn Holmes vì lí do có nhiều kẻ thù nguy hiểm nên đã phải thu xếp một cái chết giả. Vậy là, Holmes đã xuất hiện trong tất cả 56 truyện ngắn và 4 tiểu thuyết của Doyle. Thậm chí, vì quá yêu mến Holmes, một số nhà văn khác còn cho thám tử này tiếp tục xuất hiện trong tác phẩm của mình.

Những năm gần đây, dư luận lại dấy lên nghi án rằng Conan Doyle đã rắp tâm chiếm đoạt tiểu thuyết *Con chó của dòng họ Baskervilles* và âm mưu hãm hại tác giả thực sự của tác phẩm – Fletcher Robinson, nguyên chủ bút tờ *Daily Express*. Nhà văn Rodger Garrick-Steel là người đầu tiên đưa ra cáo buộc này. Suốt hơn một thập kỉ, Garrick-Steel đã dày công thu thập chứng cứ và tài liệu nhằm chứng minh rằng Conan Doyle chính là kẻ đã đầu độc Fletcher Robinson. Theo ông, Robinson từng kể cho Doyle nghe một câu chuyện có thật đầy hấp dẫn về dòng họ Baskervilles và Doyle đã dựa vào đó để sáng tác tiểu thuyết. Tuy nhiên, tác phẩm ban đầu không được nhà xuất bản chấp thuận, buộc Doyle phải thuê chính Robinson viết lại. Garrick-Steel còn cho rằng, để bịt đầu mối, Conan Doyle đã lợi dụng vợ của Robinson, khiến bà hạ độc chồng bằng laudanum. Ông lập luận rằng nguyên nhân cái chết của Robinson vào năm 1907, khi mới 34 tuổi, với lí do bị bệnh thương hàn theo lời kể của vợ, là không đáng tin. Đáng ngờ hơn, vợ ông cũng không xuất hiện trong đám tang của chồng.

Kiểm tra lại tác phẩm, người ta nhận thấy rằng, ở lần xuất bản đầu tiên tiểu thuyết *Con chó của dòng họ Baskervilles*, trong phần tựa có lời cảm ơn của Conan Doyle đối với Robinson – người đã gợi ý về ý tưởng và giúp ông hoàn thành tác phẩm. Lời cảm ơn xác nhận mối quan hệ về công việc giữa Conan Doyle và Robinson khi viết *Con chó*

của dòng họ Baskervilles. Nhưng điều đó cũng là một chuyện thông thường. Trước lời cáo buộc của Garrick-Steel có hai luồng ý kiến khác nhau. Những người hâm mộ Conan Doyle và thám tử Sherlock Holmes cho rằng đó chỉ là một lời bịa đặt vô căn cứ. Họ nói, Conan Doyle từng muốn Robinson đứng tên chung trong cuốn sách nhưng không được nhà xuất bản chấp thuận, bởi chỉ với cái tên Conan Doyle thì cuốn sách mới có thể bán chạy. Luồng ý kiến thứ hai xem ra có vẻ tán đồng với Rodger Garrick-Steel. Điều nghi ngờ ấy xuất phát từ tính cách khá hung bạo trong đời thường của Conan Doyle. Lúc bé, Doyle thường xuyên bắt nạt bạn bè và khi lập gia đình rồi có con thì ông ta là một người cha luôn khiến cho con cái phải khiếp sợ. Thậm chí, người ta còn nhắc tới chuyện Doyle cùng với mẹ mình đưa người cha rất minh mẫn vào viện tâm thần.

Cùng với Conan Doyle, không thể không nhắc đến Agatha Christie – nữ nhà văn trinh thám lừng danh người Anh. Bà sinh năm 1890 và mất năm 1976, tên khai sinh là Agatha Mary Clarissa Miller. Ngoài tiểu thuyết trinh thám, bà còn sử dụng bút danh Mary Westmacott để viết tiểu thuyết lãng mạn. Tuy nhiên, bà được biết đến nhiều nhất qua 66 tiểu thuyết trinh thám đặc sắc, đưa tên tuổi của bà trở thành một huyền thoại trong thể loại này. Các tác phẩm của Agatha Christie được thống kê là những cuốn sách bán chạy nhất mọi thời đại trong dòng văn học trinh thám. Thậm chí, nếu xét trên mọi thể loại văn học, sách của bà chỉ xếp sau Shakespeare! Cho đến nay, người ta đã ước tính có khoảng 1 tỉ bản sách bằng tiếng Anh và hơn 1 tỉ bản sách bằng 103 thứ tiếng khác của bà được phát hành. Năm 1955, bà là người đầu tiên được trao giải thưởng Grand Master Award của Hội Nhà văn trinh thám Mỹ (Mystery Writers of America). Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, Agatha Christie đã từng làm việc cho một bệnh viện và sau đó là một cửa hàng dược. Có lẽ, đó là một lí do khiến trong nhiều tác phẩm trinh thám của bà có những tình tiết liên quan đến chuyện giết người bằng độc dược như thạch tín, ricin, thallium.

Đóng góp lớn nhất của Agatha Christie chính là việc tạo nên hai hình tượng nhân vật trinh thám vô cùng nổi tiếng, đó là Hercule Poirot và bà Marple. Hercule Poirot xuất hiện trong 31 tiểu thuyết và 50 truyện ngắn. Bà Marple xuất hiện trong ít tác phẩm hơn. Với hai nhân vật đó, dường như Agatha Christie dành nhiều tình cảm hơn đối với bà Marple. Agatha Christie từng bộc lộ sự chán nản đối với Hercule Poirot và sau đó, trong tiểu thuyết *Curtain,* bà đã "kết liễu" nhân vật này, thậm chí còn cho đăng Cáo phó trên tờ *New York Times*.

Theo dòng văn học phương Tây du nhập vào Việt Nam, văn học trinh thám cũng bắt đầu xuất hiện ở Việt Nam trong khoảng đầu thế kỉ XX. Tiểu thuyết trinh thám đầu tiên do người Việt Nam sáng tác ra đời năm 1936 là của tác giả Phạm Cao Củng. Ông cũng được đánh giá là người Việt Nam đầu tiên thành danh ở truyện trinh thám với *Vết tay trên trần* (1936), *Cái kho tàng nhà họ Đặng, Ba viên ngọc bích* (1938), *Người một mắt* (1940), *Kỳ Phát giết người, Nhà sư thọt* (1941), *Đôi hoa tai của bà chúa* (1942), *Đám cưới Kỳ Phát* (1942),... Truyện trinh thám của Phạm Cao Củng mang đậm màu sắc đời sống văn hoá của người Việt. Ông đã xây dựng thành công nhân vật trung tâm trong nhiều tác phẩm của mình là thám tử phá án Kỳ Phát mang đậm cá tính anh hùng người Việt: coi thường giàu sang phú quý, trọng nghĩa khinh tài, giúp đỡ người nghèo khó,...

Cùng với Phạm Cao Củng, những cây bút như Thế Lữ, Bùi Huy Phồn, Lê Văn Trương,... đã góp phần mang đến những tác phẩm trinh thám gây tiếng vang trong đời sống khi ấy. Tuy nhiên, đáng tiếc rằng, sau đó, thể loại văn học này ở Việt Nam hầu như không phát triển.

Những năm 1970 – 1980, truyện trinh thám Việt Nam có xu hướng biến đổi thành loại truyện điều tra hình sự, tình báo, gián điệp được dịch từ văn học Liên Xô và các nước Đông Âu hoặc do nhà văn Việt Nam sáng tác (Hữu Mai, Triệu Huấn,...). Có một định kiến cho rằng văn học trinh thám là văn học hạng hai, văn học ba xu, thuộc hạng tầm thường, nên không được chú ý phát triển dù đã ra đời gần một thế kỉ. Văn học trinh thám Việt Nam còn ở tình trạng khá đơn giản, nhà văn thường lệ thuộc nhiều vào việc miêu tả, thuật chuyện có thật ngoài đời. Các tác phẩm cũng chưa tạo nên được những nhân vật trinh thám chuyên nghiệp như trong tiểu thuyết trinh thám phương Tây.

Những năm gần đây, ở Việt Nam, thể loại văn học trinh thám đã bắt đầu có những dấu hiệu khởi sắc. Báo chí có nhắc đến những tên tuổi như nhà văn trẻ Di Li với những tác phẩm như *Tầng thứ nhất, Trại hoa đỏ, Điệu van địa ngục,...* Người ta cho rằng, với lối thể hiện rất có nghề của nữ nhà văn trẻ này, văn học trinh thám của Việt Nam có thể sẽ có lối ra.

Điều quan trọng đối với văn học có lẽ không nằm ở sự phân biệt đề tài – đâu là đề tài hạng hai, đâu là những đề tài cao cả... mà quan trọng nhất là liệu với đề tài ấy, nhà văn có khả năng lôi cuốn được bạn đọc hay không. Một nhà văn viết truyện trinh thám vẫn có thể trở thành một cây bút lớn của nhân loại, như thực tế đã minh chứng hùng hồn.



VH&TT giới thiệu tới các bạn đọc chuỗi bài viết của PGS.TS. Dương Tuấn Anh (GV. Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) về những hình ảnh có nghĩa biểu tượng, từ Hán Việt có trong các văn bản ngữ liệu của SGK Ngữ văn (CTGDPT 2018). Các bài viết sẽ giúp các em học sinh:

▲ *Giải đáp các thắc mắc về từ Hán Việt xuất hiện trong các văn bản đọc.*

▲ *Tìm hiểu những hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng trong văn học, văn hoá phương Đông để có thêm tri thức đọc hiểu.*

▲ *Có thêm tư liệu để có thể hiểu sâu hơn về tác phẩm.*

Yếu tố "sĩ" trong tiếng Việt

PGS.TS. Dương Tuấn Anh

Thưa thầy, khi học bài *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* (SGK *Ngữ văn 10*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*), em chưa hiểu hết ý nghĩa của các từ "cư sĩ", "hàn sĩ". Ngoài ra, trong quá trình đọc, em còn bắt gặp các từ "ẩn sĩ", "học sĩ",... Các từ ngữ này khác nhau như thế nào và được dùng cho những trường hợp nào ạ?

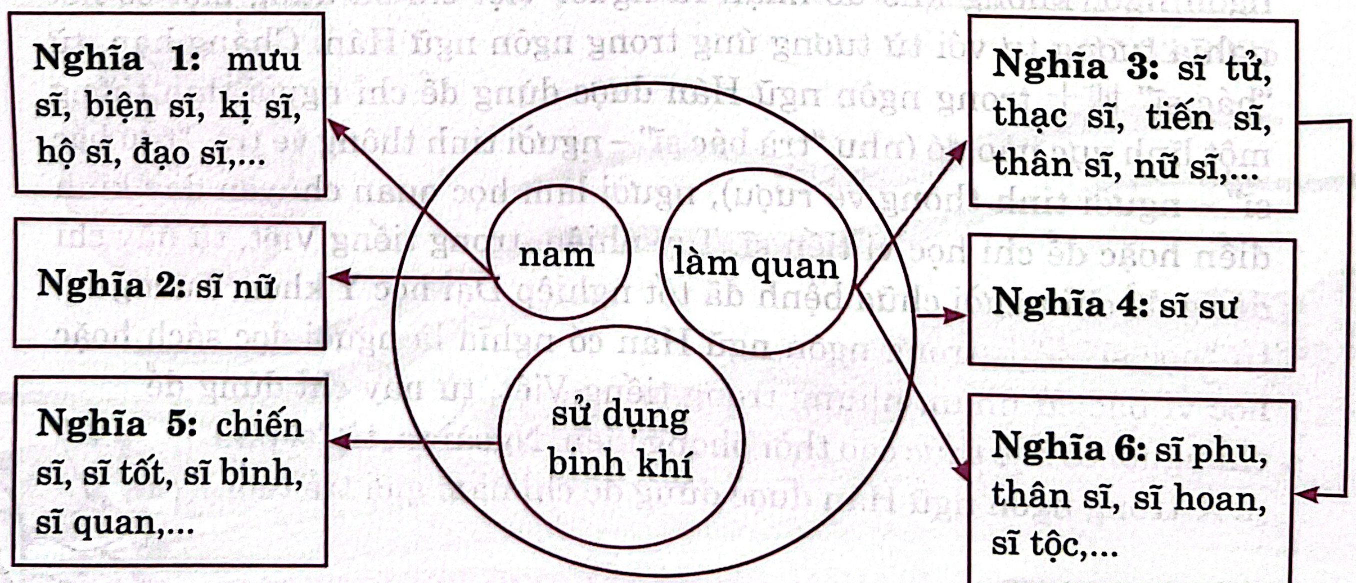
Văn bản *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* (SGK *Ngữ văn 10*, tập một, bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*) có các từ: *cư sĩ, kẻ sĩ, hàn sĩ*. Ngoài ra, trong tiếng Việt còn có các từ: *ẩn sĩ, bác sĩ, ca sĩ, chí sĩ, cổ lỗ sĩ, nho sĩ, nữ sĩ, thạc sĩ, thi sĩ, thuật sĩ, tráng sĩ, tu sĩ, tử sĩ, văn sĩ, vũ sĩ, y sĩ, tiến sĩ, trí sĩ, viện sĩ, sĩ diện, sĩ phu, sĩ số, sĩ tốt, sĩ tử,...* Điểm chung của các từ này là cùng chứa yếu tố "sĩ" 士, là một yếu tố có nguồn gốc từ ngôn ngữ Hán.

Chữ "sĩ" 士 được người Trung Hoa xưa ghi lại bằng hình tượng một chiếc rìu lớn (xem hình chữ "sĩ" 士 được viết dạng kim văn), với ý nghĩa chỉ chức chưởng quan quản hình ngục, người sử dụng công cụ này để trấn áp, xử phạt phạm nhân. Sách *Thượng thư* (một trước tác từ hơn hai ngàn năm trước) có đoạn viết: *"Nhữ tác sĩ, ngũ hình hữu phục..."* 汝作士，五刑有服, nghĩa là: Người làm chức quan sĩ (chưởng quản hình ngục), năm loại hình phạt (gồm: mặc (xăm vào mặt), tị (cắt mũi), tẫn (chặt chân), cung (cắt bộ phận sinh dục), đại tịch (xử tử)) cần được áp dụng đúng mức... Như vậy, có thể thấy nghĩa



hạt nhân của "sĩ" 士 bao gồm các nghĩa: làm quan, sử dụng binh khí, nam (người giữ chức vụ này thời xưa thường là nam).

Từ nghĩa hạt nhân này, "sĩ" 士 trong ngôn ngữ Hán dần mở rộng nghĩa. Cuốn *Từ hải* (《辞海》, 上海辞书出版社, 2009, tr. 2068), ngoại trừ nghĩa chỉ họ Sĩ (biểu thức định danh) và trường hợp chữ "sĩ" 士 được dùng thông với chữ "sự" 事 (khi đó sẽ đọc là "sự", không còn là "sĩ" nữa), đã ghi nhận mục từ "sĩ" 士 với các nghĩa cơ bản sau: 1. Xưng gọi người nam giới có thể gánh vác công việc (có năng lực). 2. Chỉ người nam đã đến tuổi kết hôn (cả người đã kết hôn hoặc chưa kết hôn). 3. Một trong "tứ dân" (sĩ, nông, công, thương) thời xưa (chỉ người trí thức). 4. Quan giữ chức hình ngục thời xưa. 5. Binh lính. 6. Tầng lớp quý tộc thấp nhất thời nhà Thương, nhà Chu, Xuân thu. Cùng với những nghĩa này, ngôn ngữ Hán ghi nhận các mục từ có chứa yếu tố "sĩ" 士 như *biện sĩ* (người giỏi nói năng, biện luận), *chí sĩ, chiến sĩ, danh sĩ, dũng sĩ, đạo sĩ, tiến sĩ, học sĩ* (cử nhân), *hộ sĩ* (y tá), *kị sĩ, liệt sĩ, mưu sĩ, thạc sĩ, thân sĩ* (những người giàu có, quyền lực hoặc từng giữ chức vụ quyền lực ở địa phương thời xưa), *y sĩ,...; sĩ binh* (quân nhân), *sĩ lâm* (chỉ giới trí thức thời xưa), *sĩ khí, sĩ hoạn* (quan lại thời xưa), *sĩ phu* (nam giới; người thuộc giai tầng trí thức, quan lại thời xưa), *sĩ nữ* (nam nữ; người chưa kết hôn), *sĩ quan, sĩ sư* (chức quan lo về ngục tụng, hình phạt... dưới quyền quan tư khấu), *sĩ tốt, sĩ tộc* (tầng lớp trên trong xã hội phong kiến bao gồm trí thức, địa chủ, quan lại...), *sĩ tử,...*



Mô hình nghĩa liên tưởng được kích hoạt từ nét nghĩa hạt nhân của "sĩ" 士

Khi du nhập vào ngôn ngữ Việt, yếu tố "sĩ" 士 không sử dụng các nghĩa 2, 4. Cùng với đó là các từ *sĩ nữ, sĩ sư* không tồn tại trong ngôn ngữ Việt. Ngay cả các từ như *hộ sĩ, sĩ binh, sĩ lâm, sĩ hoạn,...* thuộc các nét nghĩa khác cũng không tồn tại trong ngôn ngữ Việt, cho thấy người Việt trong quá trình giao lưu với văn hoá Trung Hoa chỉ du nhập một bộ phận các từ ngữ gốc Hán vào ngôn ngữ của người Việt.

Trong tiếng Việt, qua từ "sĩ" và các từ có chứa yếu tố "sĩ", người đọc có thể khái quát một số nghĩa mà yếu tố "sĩ" 士 chuyển tải như sau: 1. Người trí thức thời phong kiến (với các từ: *chí sĩ, học sĩ, thân sĩ, sĩ phu,...*). 2. Học trò (*hàn sĩ, sĩ tử, sĩ số*). 3. Người trí thức nói chung; người thành thạo một lĩnh vực chuyên môn hay công việc nào đó (*y sĩ, bác sĩ, biện sĩ, dược sĩ, đấu sĩ, mưu sĩ, kị sĩ, kịch sĩ, hoạ sĩ, nghệ sĩ, nha sĩ, nhạc sĩ, tiến sĩ, thạc sĩ, văn sĩ, vệ sĩ, võ sĩ,...*). 4. Từ dùng để biểu thị sự tôn xưng người có tài năng, phẩm hạnh đáng trọng (*ẩn sĩ, cư sĩ, danh sĩ, dật sĩ, dũng sĩ, đạo sĩ, hiền sĩ, hiệp sĩ, lực sĩ, nghị sĩ, nghĩa sĩ, nhân sĩ, nữ sĩ, tráng sĩ, tu sĩ, viện sĩ,...*). 5. Người thuộc tầng lớp quý tộc, quan lại xưa (*nhân sĩ, khanh sĩ, thân sĩ, sĩ phu,...*). 6. Quân nhân nói chung; quân hàm dưới cấp uý (*sĩ khí, sĩ quan, sĩ tốt, binh sĩ, giáp sĩ, hạ sĩ, hạ sĩ quan, liệt sĩ, quân sĩ, thượng sĩ, trung sĩ, tử sĩ, tướng sĩ,...*). 7. Thể diện cá nhân; ra vẻ không thua kém ai để người khác tôn trọng mình (*sĩ diện*). 8. Tên gọi quân cờ hay quân bài đứng hàng thứ hai, sau tướng.

Có thể thấy, các từ như *biện sĩ, chí sĩ, chiến sĩ, danh sĩ, dũng sĩ, đạo sĩ, tiến sĩ, kị sĩ, liệt sĩ, mưu sĩ, thạc sĩ, thân sĩ, y sĩ, sĩ khí, sĩ phu, sĩ quan, sĩ tốt, sĩ tử,...* gia nhập ngôn ngữ Việt, trở thành các từ Hán Việt. Nếu tìm hiểu sâu hơn nghĩa của các từ này và đối sánh giữa hai ngôn ngữ, không khó để nhận ra người Việt chỉ sử dụng một số nét nghĩa tương tự với từ tương ứng trong ngôn ngữ Hán. Chẳng hạn, từ "bác sĩ" 博士 trong ngôn ngữ Hán được dùng để chỉ người tinh thông một lĩnh vực nào đó (như "trà bác sĩ" – người tinh thông về trà, "tửu bác sĩ" – người tinh thông về rượu), người làm học quan chuyên dạy kinh điển hoặc để chỉ học vị tiến sĩ. Tuy nhiên, trong tiếng Việt, từ này chỉ dùng để chỉ người chữa bệnh đã tốt nghiệp Đại học Y khoa. Tương tự, từ "học sĩ" 學士 trong ngôn ngữ Hán có nghĩa là người đọc sách hoặc học vị bậc cử nhân, nhưng trong tiếng Việt, từ này chỉ dùng để chỉ người có học thức cao thời phong kiến. Ngoài ra, từ "sĩ phu" 士夫 trong ngôn ngữ Hán được dùng để chỉ nam giới trẻ tuổi,

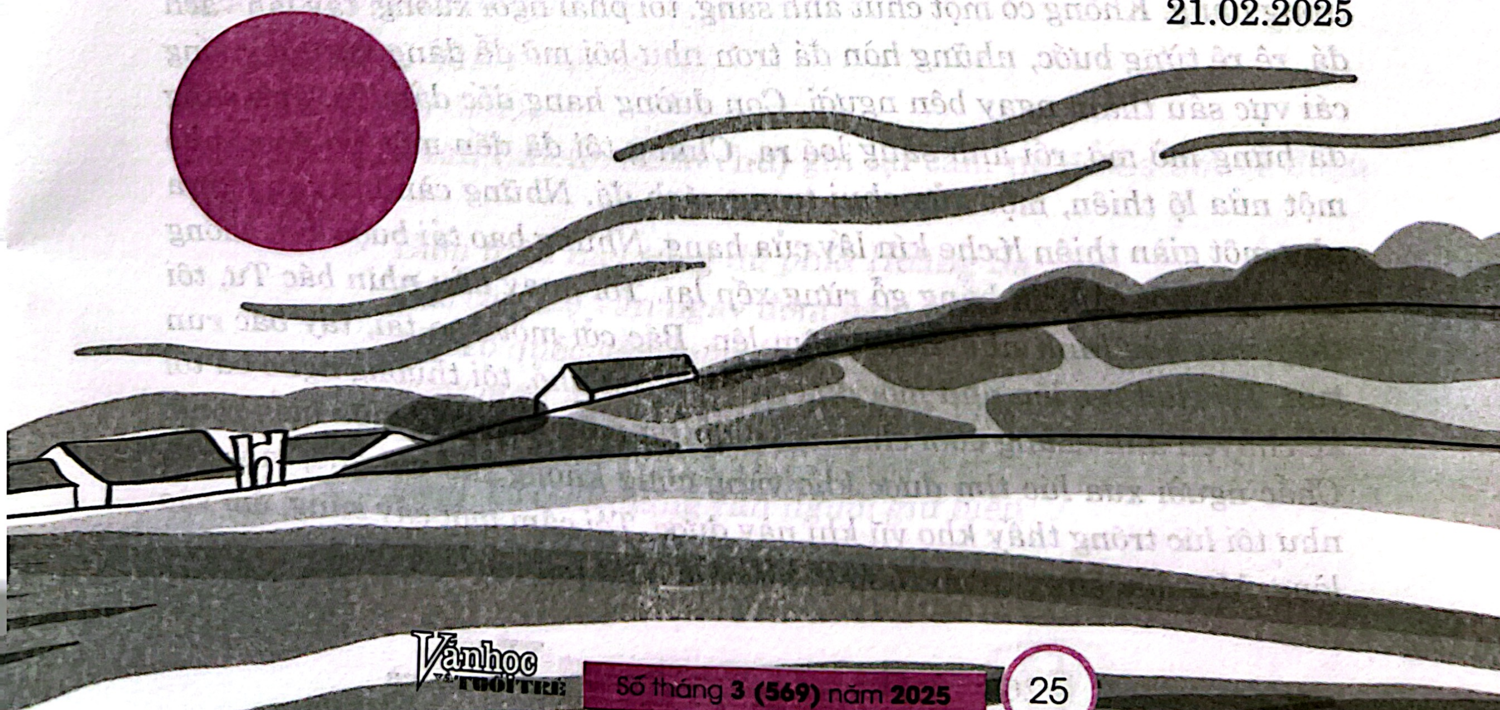


nam giới nói chung, người trí thức hoặc người thuộc tầng lớp quan lại, nhưng trong tiếng Việt, từ này chỉ mang nghĩa người trí thức, người thuộc tầng lớp quan lại.

Tuy nhiên, không dừng lại ở việc vay mượn trực tiếp, người Việt còn chủ động sáng tạo để yếu tố "sĩ" 士 mang những nét nghĩa riêng, đồng thời sử dụng yếu tố "sĩ" 士 tạo thêm những từ trong ngôn ngữ Việt (mà không hề tồn tại trong ngôn ngữ Hán). Chẳng hạn, yếu tố "sĩ" 士 kết hợp với yếu tố Hán Việt khác để tạo ra từ mới như: từ "sĩ số" để chỉ số học sinh; từ "sĩ" hoặc "sĩ diện" biểu thị ý nghĩa ra vẻ không thua kém ai để người khác tôn trọng mình; từ "cổ lỗ sĩ" chỉ tính chất xưa cũ, lạc hậu (hàm ý hài hước). Yếu tố "sĩ" 士 cũng kết hợp cả với các yếu tố thuần Việt trong các từ *kẻ sĩ, sĩ hão,...* Điều này cho thấy tính năng sản của yếu tố "sĩ" 士 nói riêng, yếu tố Hán Việt nói chung, phản ánh sức sáng tạo mạnh mẽ của người Việt.

Qua việc phân tích yếu tố "sĩ" 士 trong văn bản *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* và các từ ngữ liên quan trong tiếng Việt, có thể thấy "sĩ" không chỉ là một yếu tố Hán Việt được vay mượn từ ngôn ngữ Hán mà còn phản ánh quá trình tiếp thu, chọn lọc và sáng tạo đầy tinh tế của người Việt. Từ nghĩa gốc chỉ chức quan quản hình ngục, "sĩ" đã mở rộng thành nhiều lớp nghĩa phong phú trong tiếng Việt, bao gồm người trí thức, học trò, chuyên gia, quân nhân, hay thậm chí biểu thị thể diện và phẩm chất cá nhân. Đặc biệt, người Việt không chỉ tiếp nhận một cách thụ động mà còn chủ động gia công, kết hợp "sĩ" với cả yếu tố Hán Việt và thuần Việt để tạo ra những từ mới mang nét nghĩa độc đáo, như "sĩ số", "cổ lỗ sĩ", "sĩ hão". Điều này không chỉ thể hiện sự linh hoạt trong việc sử dụng ngôn ngữ mà còn khẳng định sức sáng tạo mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trong quá trình giao lưu và phát triển văn hoá.

21.02.2025





Thử sức trước kì thi tuyển sinh vào lớp 10 môn Ngữ văn, năm 2025

(Thời gian làm bài: 120 phút)

Trịnh Mai Liên
GV. Trường THPT Hoàng Quốc Việt, TP. Bắc Ninh, Bắc Ninh

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Bác Tư (tên đồng chí giữ kho súng) dẫn tôi vào một hang núi, một cái hang sâu, lòng rộng chừng hai gian nhà. Một lỗ hổng trên vòng hang để lọt một khối ánh sáng trắng nhạt rọi xuống. Vách đá đổ mồ hôi nhễ nhại. Những giọt nước từ trên cao rơi tí tách xuống đầu cây cột đá thạch nhũ bắn tung toé; những hạt nước nhỏ gặp ánh sáng trở thành long lanh, đẹp như những bó pháo hoa màu trắng. Trời tháng Năm, ở ngoài nóng như chảy mỡ thế mà ở trong hang vẫn thấy mát lạnh. Bác Tư ngồi phịch xuống ổ lá rừng ở góc hang và nói:

– Nhà tôi đây. Đồng chí thấy thích không?

– Lạnh quá, trời rét thì khổ lắm nhỉ.

– Đêm mùa nực còn giá buốt nữa là ... ở hang ở hố thì còn gì cực hơn, nhưng biết làm sao ... ở đây được cái kín đáo, giặc đến ta có cửa hang bí mật thoát thân, vả lại đỡ lo loài thú dữ.

Tôi nhìn quanh quẩn:

– Thế kho tàng...?

– Kho tàng à? Ở đây ẩm ướt để vũ khí sao được.

Người đồng chí già dẫn tôi lần bước theo một con đường ngoằn ngoèo trong hang. Không có một chút ánh sáng, tôi phải ngồi xuống, tay lần vách đá, rê rê từng bước, những hòn đá trơn như bôi mỡ dễ dàng vứt tôi xuống cái vực sâu thẳm ngay bên người. Con đường hang dốc dần lên, ánh sáng đã hửng mờ mờ, rồi ánh sáng loé ra. Chúng tôi đã đến một cái động nhỏ một nửa lộ thiên, một nửa chui trong vách đá. Những cành cây to loe ra như một giàn thiên lí che kín lấy cửa hang. Những bao tải buộc kín, chồng cao trên một cái sàn bằng gỗ rừng xếp lại. Tôi quay đầu nhìn bác Tư, tôi thấy mắt bác hình như sáng thêm lên. Bác cởi một bao tải, tay bác run run. Tôi chợt reo lên như một đứa trẻ. Hồi còn nhỏ, tôi thường nghe bà tôi kể chuyện anh chàng cưỡi chim thần đi tìm một đảo vàng giữa biển rộng. Chắc người xưa lúc tìm được kho vàng cũng không thể vui ghê, vui gớm như tôi lúc trông thấy kho vũ khí này được. Tôi cầm một cây súng, ôm vào lòng. Mùi dầu súng thơm thơm... tôi nắm chặt tay bác Tư:

– Cảm ơn đồng chí, cảm ơn đồng chí.

Người đồng chí già ngước nhìn kho tàng hãnh diện. Đồng chí vuốt chòm râu đen như thói quen, rồi trầm ngâm hỏi tôi:

– Đồng chí có biết giá mỗi khẩu súng này là bao nhiêu không?

– Chừng vài nghìn đồng bạc Đông Dương.

Bác Tư lắc đầu, nhìn đi xa thẳm và bảo tôi giọng nho nhỏ:

– Nó vô giá đồng chí ạ... vì rằng mỗi mẩu sắt thép ở đây là một giọt máu của đồng đội chúng ta.

(Trích *Rừng sâu*, Nguyễn Xuân Khánh, in trong *Tuyển tập truyện ngắn 75 gương mặt văn nghệ*, NXB Hội Nhà văn, tr.107–108)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định ngôi kể trong đoạn trích trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Chỉ ra các lí do khiến nhân vật bác Tư lựa chọn hang núi ẩm ướt làm nhà.

Câu 3. (1,0 điểm) Phân tích tác dụng của biện pháp so sánh được sử dụng trong các câu văn sau:

Tôi chợt reo lên như một đứa trẻ. Hồi còn nhỏ, tôi thường nghe bà tôi kể chuyện anh chàng cưỡi chim thần đi tìm một đảo vàng giữa biển rộng. Chắc người xưa lúc tìm được kho vàng cũng không thể vui ghê vui gớm như tôi lúc trông thấy kho vũ khí này được.

Câu 4. (1,0 điểm) Nêu ý nghĩa của chi tiết:

Tôi cầm một cây súng, ôm vào lòng. Mùi dầu súng thơm thơm... tôi nắm chặt tay bác Tư:

– Cảm ơn đồng chí, cảm ơn đồng chí.

Câu 5. (1,0 điểm) Lời khẳng định của nhân vật bác Tư: *"Nó vô giá đồng chí ạ... vì rằng mỗi mẩu sắt thép ở đây là một giọt máu của đồng đội chúng ta"* gợi cho em suy nghĩ gì về trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay với đất nước?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm nghĩ của em về đoạn thơ sau:

Biển mùa này sóng dữ phía Hoàng Sa
Các con mẹ vẫn ngày đêm bám biển
Mẹ Tổ quốc vẫn luôn ở bên ta
Như máu ấm trong màu cờ nước Việt

Biển Tổ quốc đang cần người giữ biển
Máu ngư dân trên sóng lại chan hoà

Máu của họ ngân bài ca giữ nước
Để một lần Tổ quốc được sinh ra.

(Trích *Tổ quốc ở Trường Sa*, Nguyễn Việt Chiến, *https://thanhnien.vn*, ngày 27/05/2012)

Câu 2. (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về vấn đề: Thế hệ trẻ và việc sử dụng mạng xã hội để lan toả tinh thần yêu nước.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu 1. Ngôi thứ nhất (người kể chuyện trong đoạn trích trực tiếp tham gia vào câu chuyện, xưng "tôi").

Câu 2. Lí do khiến nhân vật bác Tư lựa chọn hang núi ẩm ướt làm nhà: *kín đáo; giặc đến có cửa hang bí mật thoát thân; đỡ lo loài thú dữ.*

Câu 3. So sánh: *Tôi chợt reo lên – một đứa trẻ; tìm được kho vàng cũng không thể vui ghê vui gớm – lúc trông thấy kho vũ khí này được.* Tác dụng: giúp câu văn thêm sinh động, hấp dẫn, giàu hình ảnh, tăng tính biểu đạt; nhấn mạnh giá trị quan trọng của kho vũ khí trong thời kì kháng chiến và niềm vui sướng, hạnh phúc của nhân vật tôi khi trông thấy kho tàng; thể hiện thái độ trân trọng, biết ơn của tác giả về lịch sử hào hùng của dân tộc.

Câu 4. Ý nghĩa của chi tiết:

– *"Dầu súng thơm thơm"*: không chỉ gợi mùi thơm của dầu súng mà còn gợi đến hương thơm của chiến thắng, của hoà bình.

– *"nắm chặt tay bác Tư"*, *"Cảm ơn đồng chí, cảm ơn đồng chí."*: hành động và lời nói đầy xúc động đã thể hiện sự trân trọng, biết ơn, tự hào, cảm phục của nhân vật tôi trước người đồng chí già yêu nước, dũng cảm, trung kiên.

Câu 5. Lời khẳng định của nhân vật bác Tư cho thấy sự hi sinh của những người lính là vô giá trong sự nghiệp giải phóng đất nước. Từ đó, gợi cho em suy nghĩ về trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay với đất nước.

Có thể trả lời theo hướng: *Thế hệ trẻ ngày nay cần ghi nhớ công lao của những người đi trước, cố gắng học tập, rèn luyện, tạo lập lí tưởng sống cao đẹp, giữ gìn nền hoà bình cho Tổ quốc, phát triển đất nước ngày một vững mạnh,...*

II. PHẦN VIẾT

Câu 1. Đoạn văn có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần:

– Nêu được cảm nghĩ về nội dung: Ca ngợi sự anh dũng, kiên cường của người lính, ngư dân trong bảo vệ, xây dựng biển đảo; thể hiện tình yêu nước, lòng biết ơn công lao của thế hệ đi trước và ý thức trách nhiệm với chủ quyền Tổ quốc.

– Nêu được cảm nghĩ về nghệ thuật: Thể thơ tám chữ; giọng điệu tha thiết, tự hào; hình ảnh chân thực, giàu cảm xúc; biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá;...

Câu 2. Bài viết cần đảm bảo bố cục ba phần, luận điểm hợp lí, ý kiến xác đáng, lí lẽ thuyết phục. Gợi ý triển khai:

– Thế hệ trẻ sử dụng mạng xã hội để lan toả tinh thần yêu nước qua việc quảng bá hình ảnh quê hương, đất nước.

– Công nghệ số và toàn cầu hoá mang đến nhiều cơ hội giúp giới trẻ tìm hiểu lịch sử, văn hoá dân tộc, bồi đắp lòng yêu nước và quảng bá nét đẹp của Tổ quốc.

– Cần định hướng từ gia đình, nhà trường, xã hội; tỉnh táo trước thông tin sai lệch; không lợi dụng hình ảnh đất nước vì mục đích cá nhân.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI
ĐỀ ÔN LUYỆN CÂU LẠC BỘ VĂN – TOÁN TUỔI THƠ (3.2025)

A. TRẮC NGHIỆM

1. a – d – e – h (từ tượng thanh), b – c – f – g (từ tượng hình); 2. A; 3. C; 4. B; 5. 1 – b, 2 – c, 3 – a; 6. B; 7. A.

8. Biện pháp ẩn dụ; tác dụng: gợi tả bức tranh mùa hạ rực rỡ, ngập tràn tiếng ve và sắc đỏ của hoa phượng vĩ.

9. Nó tự nhủ: mình đã bị khuyết tật, thì phải cố làm việc cho thật tốt.

10. a.Các từ có thể kết hợp với cụm từ *"cái nắng": oi ả, nóng nực, oi bức, gay gắt, chói chang, dai dẳng, triền miên,...*

b. Không thể thay thế từ *"miệt mài"* bằng các từ trên, vì *"miệt mài"* không chỉ diễn tả cường độ của nắng mà còn mang sắc thái nhân hoá, thể hiện sự bền bỉ, liên tục của cái nắng đặc trưng nơi đất Cà Mau.

B. TỰ LUẬN NGẮN

11. *"Mẹ Tổ quốc"* trong bài thơ là những người mẹ có con là người lính đã hi sinh tại chiến trận.

12. Những hình ảnh của cuộc sống hoà bình: *"rừng đã xanh trở lại"*, *"lối qua trường/ tiếng trẻ/ mọc sau mưa"*.

13. Hình ảnh người mẹ đã hoà vào cùng Tổ quốc, trở nên bất tử. Đất nước khắc ghi những công ơn của mẹ.

14. Biện pháp điệp ngữ *"mẹ Tổ quốc"*, *"sẽ trở về"*. Tác dụng của biện pháp điệp ngữ: nhấn mạnh tâm trạng ngóng trông, đợi chờ người con trở về của mẹ Tổ quốc; tạo giọng điệu tha thiết cho lời thơ.

15. Bài thơ để lại trong người đọc những suy nghĩ về hình ảnh *"mẹ Tổ quốc"*. *"Mẹ Tổ quốc"* đã chịu nhiều nỗi đau và hi sinh, mất mát lớn. Nhưng *"mẹ Tổ quốc"* vẫn là một tượng đài bất tử, làm nên đất nước muôn đời.

* *Lưu ý:* Khuyến khích người viết có những suy nghĩ sâu sắc về hình ảnh *"mẹ Tổ quốc"* trong bài thơ.



Thử sức trước kì thi tốt nghiệp THPT môn Ngữ văn, năm 2025

(Thời gian làm bài: 120 phút)

TS. Nguyễn Thành Ngọc Bảo
GV. Khoa Ngữ văn, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Lược trích: *Điền là ông giáo khổ, dạy cho một trường tư. Do trường bị đóng cửa, anh phải về quê. Tuy nhiên, Điền vẫn nuôi hi vọng trở thành nhà văn. Vào một đêm trăng sáng, Điền mơ màng ngắm trăng và tưởng tượng sẽ viết về những mối tình lãng mạn. Nhưng Điền khó chịu và khinh bỉ sự thô tục của vợ. Khi ấy Điền chỉ mong đi khỏi nhà để thảnh thơi viết. "Có như vậy Điền viết mới ra hồn được. Lời phải đẹp. Ý phải thanh cao. Ngọn bút của Điền mới khơi nguồn cho những tình cảm đầy thơ mộng".*

Điền lại thấy hiện ra cái bóng dáng yêu kiều của những người đàn bà nhàn nhã ngả mình trên những cái ghế xích-đu nhún nhảy... Những người ấy sẽ đọc văn Điền. Lòng họ đẹp thêm lên. Họ sẽ yêu Điền. Họ sẽ gửi cho Điền những bức thư xinh xinh ướp nước hoa. Tưởng tượng của Điền toả rộng ra như một ánh trăng. Điền nghĩ đến những cuộc tình duyên lãng mạn với những người đàn bà đẹp chỉ biết trang điểm và yêu đương.

Những tiếng gắt gỏng ở trong nhà lại đưa ra. Vụt cái, trăng mất đẹp. Điền cúi mặt, bẽn lẽn như bị bắt gặp làm việc xấu. Điền lắng tai nghe. Tiếng vợ Điền gay gắt hỏi:

– Làm sao thế?

Đứa con gái vừa mếu máo vừa đáp lại:

– Con đau bụng.

– Giời ơi là giời!

Ấy là tiếng vợ Điền rên lên. Rồi thị mắng con:

– Ăn bậy lắm! Chết là phải, còn kêu ai?

Đứa con không dám khóc to. Nó chỉ oằn oại và rít nho nhỏ trong cổ họng. Thỉnh thoảng nó không còn sức nén, tiếng khóc bật ra Điền nghe một vài tiếng nức nở như tiếng người nôn oẹ, Điền vẫn ngồi cúi mặt. Một nỗi chua xót gần như là thuộc về thể chất, ứ lên trong lòng Điền. Nó dâng lên đến cổ, xông lên óc. Nước mắt Điền ứa ra.

Vợ Điền gượng nhẹ đặt đứa con đang ngủ mệt xuống võng. Thị cầm một con dao ra vườn moi mấy nhánh gừng về rửa sạch, giã ra. Thị vắt thêm vào đấy nửa quả chanh. Thứ thuốc bách bệnh của con nhà nghèo chỉ gồm có thế. Thị gạn lấy nước đem lại cho con. Con bé mới ngửi thấy hơi gừng đã sợ. Nó mím chặt môi. Dỗ thế nào nó cũng không chịu uống. Thị phải bế nó, đặt nằm ngửa trên đùi, một tay thị đỡ đầu, một tay thị kề chén nước gừng vào tận môi con. Con bé mím môi thật chặt. Bực mình thị quát:

– Há mồm ra!

Con bé khóc. Thế là cốc nước gừng đã dốc tuột vào mồm nó.

Nó giãy lên như đỉa phải vôi. Nó phun phè phè. Nó gào lên. Bao nhiêu nước gừng bắn ra áo mẹ. Thằng cu con giật mình, khóc thét lên. Vợ Điền tức quá, phát đen đét vào lưng con bé ốm và quẳng nó xuống giường như quẳng một con mèo:

– Kệ cha mày! Cho mày chết đi!

Con bé vừa gào vừa van lạy:

– Con lạy bu. Con cay lắm! Con lạy bu! Cay mồm...

– Mày câm ngay không tao tát cho vỡ mặt.

Nó vẫn không chịu lặng. Thị sừng sộ, chực vồ lấy nó.

– Mày có câm không nào?

Nó sợ quá đành phải nín. Nhưng những tiếng rên nho nhỏ vẫn còn thoát ra... Điền thương con lắm. Vút cái, Điền thấy Điền không thể nào đi được(*)*. Điền không thể sung sướng khi con Điền còn khổ. Chao ôi! Trăng đẹp lắm! Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát mà trăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quằn quại, nức nở, nhăn nhó với những đau thương của kiếp mình! Biết bao tiếng nghiến răng và chửi rủa! Biết bao cực khổ và lầm than?... Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thật tàn nhẫn luôn luôn bày ra đấy. Sự thực giết chết những ước mơ lãng mạn gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rỗi quá. Điền muốn tránh sự thực, nhưng trốn tránh làm sao được? Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh, khổ như Điền! Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ vang dội lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than, vang dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh, Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...*

[...] Sáng hôm sau, Điền ngồi viết. Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gắt gỏng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.

(Trích *Giăng sáng*, Nam Cao, in trong *Nam Cao, truyện ngắn chọn lọc*, NXB Văn học, 2025)

(*) Trước đó, Điền có ý định đi khỏi nhà vì không chịu nổi tính cáu bẳn của vợ.

Trả lời câu hỏi:

Câu 1. (0,5 điểm) Nhân vật Điền trong đoạn trích trên đã mơ tưởng điều gì khi ngắm trăng?

Câu 2. (0,5 điểm) Sự việc nào khiến Điền tan vỡ giấc mộng trong lúc ngắm trăng?

Câu 3. (1,0 điểm) Biện pháp so sánh trong câu *"Điền cúi mặt, bẽn lẽn như bị bắt gặp làm việc xấu."* có tác dụng gì?

Câu 4. (1,0 điểm) Tâm lí của Điền có sự chuyển biến như thế nào trong đoạn trích?

Câu 5. (1,0 điểm) Bài học sâu sắc nhất mà anh/chị rút ra từ đoạn trích trên là gì? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích ý nghĩa của hình tượng trăng trong đoạn trích trên.

Câu 2. (4,0 điểm) Đọc văn bản sau:

Chắc hẳn có những lúc bạn cảm thấy ghen tị
Khi nhìn thấy hình ảnh vui vẻ của bạn bè đăng trên mạng xã hội?
Nhưng đừng ghen tị quá nhiều.
Một trong những sai lầm thường gặp nhất của chúng ta
Là so sánh hìnhnảnh bên ngoài của bạn bè với hình ảnh bên trong của chính mình.
Chúng ta đâu biết nội tâm của người kia thế nào?
Chưa biết chừng người ấy cũng đang nhìn vẻ bề ngoài của bạn mà ghen tị nhiều lắm đấy.

(Theo *Yêu những điều không hoàn hảo*, Hae Min, NXB Thế giới, 2018, tr. 27)

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) về một bài học cuộc sống mà bạn rút ra được từ văn bản trên.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Câu 1. Nhân vật Điền trong đoạn trích đã tưởng tượng ra cảnh những người đàn bà nhàn nhã sẽ đọc văn của Điền, *"lòng họ sẽ đẹp thêm lên"*, *"họ sẽ gửi cho Điền những bức thư xinh xinh ướp nước hoa"*,...

Câu 2. Sự việc khiến Điền tan vỡ giấc mộng trong lúc ngắm trăng là sự gắt gỏng của người vợ khi đứa con gái đau bụng, khóc lóc.

Câu 3. Biện pháp so sánh trong câu *"Điền cúi mặt, bẽn lẽn như bị bắt gặp làm việc xấu"* diễn tả nỗi thất vọng, bẽ bàng của Điền.

Câu 4. Tâm lí của Điền có sự chuyển biến từ chỗ say sưa, mơ mộng sang tủi hổ, thất vọng; từ những ảo tưởng về một viễn cảnh được ca tụng đến sự thức tỉnh, nhận ra *"Nghệ thuật không cần là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than, vang dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền"*; từ chỗ mang ảo tưởng muốn bỏ đi để tìm một không gian viết đến khi thức tỉnh nhận

ra không cần đi đâu cả, chỉ cần *"đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời..."*.

Câu 5. Câu trả lời cần nêu được những nội dung chính sau:

– Nêu được bài học sâu sắc nhất rút ra từ đoạn trích.

– Trình bày lí do khiến bản thân nhận thấy đó là bài học sâu sắc.

II. PHẦN VIẾT

Câu 1. Có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách trên cơ sở đáp ứng những yêu cầu về hình thức, thể thức của đoạn văn nghị luận và phân tích được ý nghĩa của hình tượng trăng với những nội dung sau:

– Trăng trong đoạn trích trước hết là hình tượng mang ý nghĩa tả thực, tả cảnh bầu trời đêm mở ra trước mắt Điền.

– Trăng cũng là biểu tượng của vẻ đẹp lãng mạn thoát li khiến Điền từng say sưa, mơ tưởng rồi phủ nhận.

– Qua hình tượng trăng, nhà văn muốn kín đáo phê phán thứ văn chương lãng mạn, thoát li hiện thực; đồng thời, khẳng định sự gắn bó với khuynh hướng hiện thực trong sáng tác.

Câu 2. Có thể trình bày bài viết theo nhiều cách trên cơ sở bảo đảm dung lượng theo yêu cầu của đề; thể hiện được quan điểm cá nhân;... Dưới đây là một số gợi ý về nội dung:

– Xác định vấn đề nghị luận: không nên ghen tị.

– Tác giả khuyên chúng ta "không nên ghen tị" khi nhìn thấy hình ảnh đẹp của người khác trên mạng xã hội, bởi đó chỉ là bề nổi của cuộc sống. Đôi khi, chính những người trong ảnh cũng đang thầm ghen tị với người khác.

– Ghen tị là cảm giác không vui, khó chịu, mong muốn có được điều mà người khác đang có.

– Con người cần tránh xa ghen tị vì:

+ Ghen tị có thể khiến ta tập trung quá nhiều vào thành công của người khác thay vì phát triển chính mình.

+ Nếu không kiểm soát tốt, cảm giác này có thể làm ta trở nên khép kín, khó mở lòng với mọi người.

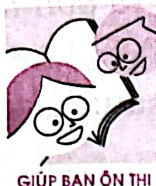
+ Khi để ghen tị chi phối, ta có thể vô tình tạo ra rào cản cho chính sự tiến bộ của mình và người khác.

– Cách vượt qua ghen tị:

+ Học cách trân trọng bản thân, nhận ra những giá trị của mình.

+ Không ngừng nỗ lực để hoàn thiện bản thân, thay vì chỉ so sánh với người khác.

+ Biến cảm giác ghen tị thành động lực tích cực, xem thành công của người khác là nguồn cảm hứng để mình cố gắng hơn mỗi ngày.



Gợi ý một số cách viết mở bài, kết bài trong bài văn nghị luận

ThS. Vũ Thị Dung
GV. Trường THPT Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

VIẾT MỞ BÀI

Trong bài làm văn, phần mở bài đóng vai trò rất quan trọng. Mở bài không chỉ có nhiệm vụ nêu vấn đề mà còn giúp khơi nguồn cảm hứng cho người viết. Tuy nhiên, rất nhiều bạn học sinh còn cảm thấy "mắc", không biết bắt đầu bài làm của mình như thế nào, dù đã có dàn ý khá tốt. Thực tế cũng cho thấy, không ít bài viết bị nhận xét: *"Mở bài chưa đạt", "Mở bài chưa hay", "Dẫn dắt vấn đề chưa hợp lí"* hoặc *"Mở bài chưa nêu được vấn đề"*,... Vậy làm thế nào để viết tốt phần mở bài cho một bài văn nghị luận?

Trước tiên, cần nhận thức **yêu cầu** của mỗi mở bài là thông báo chính xác, ngắn gọn vấn đề nghị luận và hướng người đọc (người nghe) vào nội dung bàn luận một cách tự nhiên, gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong bài viết.

Về **kết cấu**, một mở bài thường gồm hai phần: phần dẫn dắt vấn đề và phần nêu vấn đề (cũng có những mở bài chỉ nêu vấn đề mà không có phần dẫn dắt). Theo cách thức, có thể phân loại mở bài thành hai dạng trực tiếp và gián tiếp. Theo mức độ, mở bài có thể ở một trong hai mức đúng và hay. Mở bài đúng sẽ là mở bài nêu được vấn đề cần nghị luận. Yêu cầu này dễ dàng được thực hiện khi chúng ta lựa chọn cách mở bài trực tiếp, nghĩa là người viết sẽ nêu trực diện vấn đề cần nghị luận mà không cần dẫn dắt.

Chẳng hạn, với đề bài: *Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ), trình bày suy nghĩ của anh/chị về lòng tự trọng.*

Chúng ta có thể mở bài trực tiếp như sau: *Trong mỗi con người có thể hội tụ rất nhiều phẩm chất tốt đẹp. Một trong những phẩm chất tốt đẹp, làm nên giá trị của con người chính là tự trọng.*

Hoặc với đề bài: *Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của hình tượng nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn "Chữ người tử tù" của nhà văn Nguyễn Tuân.*

Nếu chọn cách mở bài trực tiếp, chúng ta có thể giới thiệu: *Trong truyện ngắn "Chữ người tử tù", nhà văn Nguyễn Tuân đã khắc hoạ*

thành công hình tượng nhân vật Huấn Cao với những vẻ đẹp nổi bật: tài hoa nghệ sĩ, khí phách hiên ngang và thiên lương trong sáng.

Như đã đề cập, cách mở bài trực tiếp thường đảm bảo tính chính xác. Trong khi đó, mở bài gián tiếp không chỉ đáp ứng yêu cầu đúng mà còn giúp nâng tầm bài viết, tạo sức hấp dẫn đối với người đọc.

Mở bài gián tiếp khác với mở bài trực tiếp ở phần dẫn dắt (mở bài trực tiếp không cần phần này). Phần dẫn trong mở bài gián tiếp có tác dụng "đưa đẩy", tạo hiệu ứng thu hút sự chú ý, bước đầu khơi gợi rung cảm nơi người đọc. Có nhiều cách để dẫn dắt người đọc đến vấn đề nghị luận.

Cách thứ nhất, chúng ta có thể mở bài theo kiểu tương liên, tức là liên hệ, móc nối một vấn đề có liên quan đến vấn đề nghị luận. Vấn đề móc nối đó có thể là một câu chuyện (được tóm lược thật ngắn gọn), một câu nói nổi tiếng, một câu tục ngữ/thành ngữ/ca dao – dân ca hay một sự kiện, sự việc. Chẳng hạn:

Cách đây hơn bảy trăm năm, Mạc Đĩnh Chi – một cậu bé nhà nghèo, xấu xí nhưng hiếu học – miệt mài đèn sách bên ánh sáng đom đóm. Nhờ nỗ lực không ngừng, ông trở thành người học rộng, tài cao, đỗ Trạng nguyên năm 1304. Nhà vua chê ông xấu xí, định không cho đỗ đầu, nhưng ông đã dâng bài "Ngọc tỉnh liên phú" (Bông sen trong giếng ngọc) để bày tỏ chí hướng và tài năng. Câu chuyện của ông khiến tôi nhớ đến câu ngạn ngữ Ả Rập: "Bạn đừng phán xét hạt tiêu theo hình dạng nhỏ bé của nó, hãy nếm nó và bạn sẽ cảm thấy nó cay cỡ nào".

(Đề bài: *Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu ngạn ngữ Ả Rập: "Bạn đừng phán xét hạt tiêu theo hình dạng nhỏ bé của nó, hãy nếm nó và bạn sẽ cảm thấy nó cay cỡ nào".*)

Hay:

Khi tôi sinh ra, tôi màu đen.
Khi tôi lớn lên, tôi màu đen.
Khi tôi đi dưới nắng, tôi màu đen.
Khi tôi sợ, tôi màu đen.
Khi tôi bệnh, tôi màu đen.
Và khi tôi chết, tôi vẫn màu đen.

Còn bạn, hỡi người da trắng.

Khi bạn sinh ra, bạn màu hồng.
Khi bạn lớn lên, bạn màu trắng.
Khi bạn đi dưới nắng, bạn màu đỏ.

Khi bạn lạnh, bạn màu xanh.
Khi bạn sợ, bạn màu vàng.
Khi bạn bệnh, bạn màu xanh (lá).
Và khi bạn chết đi, bạn màu xám.

Thế mà bạn gọi tôi là da màu ư?

Đây là bài thơ do em bé châu Phi sáng tác và được bình chọn là một trong những bài thơ hay nhất năm 2005. Điều gì khiến một em bé lại có thể viết những dòng thơ nhức nhối đến thế? Phải chăng, sự phân biệt chủng tộc đã hằn sâu đến cả tâm hồn con trẻ?

(Đề bài: *Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ), trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề phân biệt chủng tộc.*)

Hoặc: *"Mỗi một con người, trong nội tâm là một nhà thơ, chỉ khi nào người cuối cùng chết đi, thì mới mất đi nhà thơ cuối cùng" (S. Freud). Quả thật, mỗi nghệ sĩ là một thế giới riêng biệt, mang trong mình những khám phá và sáng tạo độc đáo. Một tác phẩm nghệ thuật ra đời là kết tinh của những trải nghiệm và tư duy cá nhân, nơi người nghệ sĩ đóng vai trò chủ thể sáng tạo. Như Rasul Gamzatov từng nói: "Đừng nói trao cho tôi đề tài, hãy nói trao cho tôi đôi mắt". Còn Marcel Proust cho rằng: "Thế giới được tạo lập không phải một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập".*

(Đề bài: *Trong "Dagestan của tôi", Rasul Gamzatov từng nói: "Đừng nói trao cho tôi đề tài, hãy nói trao cho tôi đôi mắt". Còn Marcel Proust cho rằng: "Thế giới được tạo lập không phải một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập".*

Anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.)

Cách thứ hai, chúng ta có thể đặt câu hỏi gợi dẫn suy tư đến vấn đề cần nghị luận, như mở bài dưới đây:

Nếu có một số tiền nhỏ trong tay, bạn sẽ mua thứ gì: Ổ bánh thơm phức hoặc bó hoa hồng thật đẹp? Hay bạn sẽ chia số tiền ít ỏi đó làm đôi để mua mỗi thứ một nửa? Câu trả lời sẽ cho tôi biết bạn là người có tâm hồn như thế nào. Nhưng dù đang rất đói, bạn hãy cứ chia số tiền đó để mua được cả hai, bởi lẽ, như nhà văn Pháp Michel Eyquem de Montaigne nói: "Nghèo nàn về vật chất dễ chữa, nghèo nàn về tâm hồn rất khó chữa.".

(Đề bài: *Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ), trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói của nhà văn Pháp Michel Eyquem de Montaigne (1533 – 1592): "Nghèo nàn về vật chất dễ chữa, nghèo nàn về tâm hồn rất khó chữa".*)

Hay: *Điều gì trong cuộc đời này khiến bạn cảm thấy tiếc nuối nhất khi mất đi? Phải chăng đó là sự sống? Với Norman Cousins thì: "Cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời. Sự mất mát lớn nhất là bạn để cho tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống.".*

(Đề bài: *Nhà văn Norman Cousins từng nói: "Cái chết không phải là điều mất mát lớn nhất trong cuộc đời. Sự mất mát lớn nhất là bạn để cho tâm hồn tàn lụi ngay khi còn sống." (Những vòng tay âu yếm, NXB Trẻ, 2003).*

Anh/chị có đồng tình với quan điểm trên không? Hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của câu nói này.)

Cách thứ ba, chúng ta có thể dẫn dắt vấn đề cần nghị luận bằng cách quy nạp, nghĩa là xuất phát từ vấn đề rộng hơn, lớn hơn, gần gũi hoặc có liên quan để quy về vấn đề nghị luận. Mở bài dưới đây thực hiện theo cách này:

Xưa nay, không ai cho rằng con đường học hành, thi cử là con đường dễ dàng, bằng phẳng. Chẳng phải tự nhiên mà người xưa lại dùng thành ngữ "Nấu sử sôi kinh" để chỉ quá trình học tập bền bỉ, công phu, đầy gian truân, vất vả của các nho sinh, sĩ tử. Nhưng khi đứng trên đài vinh quang, có lẽ ai cũng nhận thấy sự đúng đắn của câu ngạn ngữ Hy Lạp: "Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào".

(Đề bài: *Anh/chị hiểu như thế nào về câu ngạn ngữ Hy Lạp: "Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào"?*)

Hay: *Viết văn giống như công việc của một người thợ đấu. Người viết văn tựa như một tướng cầm quân. Đó là một quá trình "cắt xé tư tưởng và vật lộn với dòng tư tưởng", đầy đớn đau và trăn trở. Cái đẹp được cô đúc từ những giọt đau giọt xót, để rồi cái đẹp lại "cứu rỗi thế giới" – một đầu là nỗi đau, một đầu là hạnh phúc. Đó là nhiệm vụ và cũng là ý nghĩa cao cả của một nhà văn chân chính. "Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giấc cho những người cùng đường tuyệt lộ bị cái ác hoặc số phận đen đủi dồn đến chân tường, để bênh vực cho những con người không còn được ai bênh vực" (Nguyễn Minh Châu).*

(Đề bài: *Trong tập tiểu luận "Trang giấy trước đèn", Nguyễn Minh Châu viết, đại ý: "Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giấc cho những người cùng đường tuyệt lộ bị cái ác hoặc số phận đen đủi dồn đến chân tường, để bênh vực cho những con người không còn được ai bênh vực.".*

Bằng việc phân tích một hoặc một số tác phẩm trước Cách mạng tháng Tám, anh/chị hãy chứng minh nhận định trên.)

Cách thứ tư, mở bài theo kiểu đối sánh. Theo cách này, chúng ta có thể so sánh vấn đề cần nghị luận với một vấn đề tương phản, đối lập hoặc khác biệt. Ví dụ:

Nếu lâu đài ngôn ngữ trong thơ Bà chúa thơ Nôm – Hồ Xuân Hương – được xây dựng bằng những động từ chỉ hành động và tính từ chỉ phẩm chất mang đậm sắc thái dân dã, thì thơ Bà Huyện Thanh Quan lại chủ yếu được kiến tạo bằng hệ thống danh từ, trong đó phần lớn là từ Hán Việt. Việc sử dụng từ Hán Việt như vậy đã mang đến cho sáng tác của bà sắc thái cổ điển, trang trọng, mà bài thơ "Thăng Long thành hoài cổ" là một minh chứng tiêu biểu.

(Đề bài: *Phân tích giá trị của những từ Hán Việt trong bài thơ "Thăng Long thành hoài cổ" của Bà Huyện Thanh Quan.*)

Cách thứ năm, phản đề. Với cách này, phần dẫn của mở bài sẽ nêu lên một quan điểm đối lập với vấn đề cần nghị luận, đồng thời đặt ra câu hỏi về tính đúng đắn hoặc tính tích cực của vấn đề đó. Như vậy, trong phần thân bài, người viết sẽ đưa ra lập luận và dẫn chứng để chứng minh rằng quan điểm nêu ở mở bài là sai hoặc thiếu căn cứ. Hãy cùng xem một ví dụ về cách mở bài này:

Có không ít ý kiến cho rằng: "Bởi không đủ dũng khí cầm bút chiến đấu với kẻ thù xâm lược một cách trực diện như các nhà thơ cách mạng nên các nhà thơ mới (1932 – 1945) không có những sáng tác bộc lộ tình yêu quê hương, đất nước. Quan điểm này liệu rằng có hoàn toàn đúng đắn? Cùng soi chiếu vào các tác phẩm "Vội vàng" (Xuân Diệu), "Tràng giang" (Huy Cận), "Đây thôn Vĩ Dạ" (Hàn Mặc Tử), ta sẽ có câu trả lời.".

(Đề bài: *Từ một số bài thơ Vội vàng (Xuân Diệu), Tràng giang (Huy Cận), Đây thôn Vĩ Dạ (Hàn Mặc Tử), anh/chị hãy làm sáng tỏ tình yêu quê hương đất nước của các nhà thơ mới.*)

Lưu ý: Ngoài năm cách mở bài trên đây (mở bài trực tiếp và năm cách mở bài gián tiếp), chúng tôi nghĩ rằng còn có thêm nhiều cách khác nữa để chúng ta dẫn dắt và nêu vấn đề cần nghị luận sao cho thật hấp dẫn. Song, dù mở bài theo cách nào thì chúng ta cũng cần thực hiện các bước:

– Bước một: Xác định vấn đề cần nghị luận;
– Bước hai: Dẫn dắt vấn đề (đối với mở bài gián tiếp);
– Bước ba: Nêu vấn đề cần nghị luận.

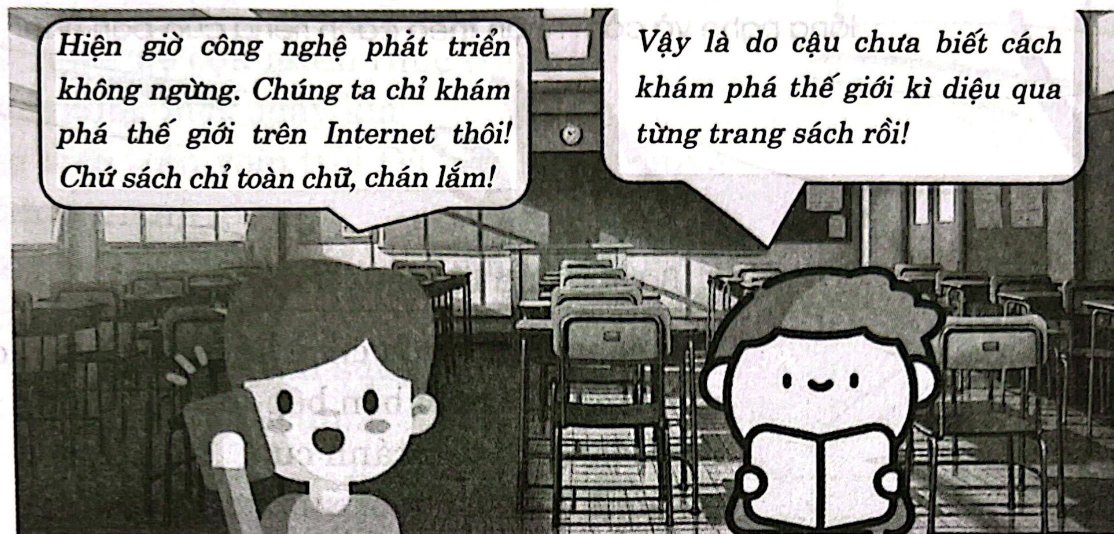
Để có thể kĩ năng viết mở bài thuần thục, linh hoạt, chúng ta nên rèn viết theo nhiều cách cho cùng một đề bài. Việc này sẽ giúp các bạn có "phản ứng nhanh" khi viết mở bài cho bất cứ đề bài nào.

(Còn nữa, xem tiếp trên VH&TT số tháng 4.2025)

Đề dự thi

Ra đề văn hay - viết ngay đoạn ngắn

ĐỀ DỰ THI – NGUYỄN TRẦN TUẤN ĐẠT
(GV. Trường TH, THCS Việt Mỹ, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh)



Trong thời đại công nghệ số phát triển như vũ bão, việc thu hút nhiều bạn học sinh đến với sách, nuôi dưỡng tình yêu đối với từng trang sách dường như là một thách thức lớn.

Trước thực trạng trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) đề xuất giải pháp thiết thực nhằm rèn luyện thói quen đọc sách cho học sinh.

Gợi ý làm bài:

Đoạn văn cần đáp ứng các yêu cầu của đề bài, sau đây là một gợi ý:

Đối tượng	Cách thức	Công cụ/ phương pháp	Lí giải, phân tích	Bằng chứng
Học sinh	– Tự giác đọc sách mỗi ngày. – Chia sẻ niềm đam mê đọc sách.	Câu lạc bộ đọc sách, cuộc thi giới thiệu sách trên trường và trên mạng xã hội...	Khi yêu thích đọc sách, học sinh sẽ chủ động tìm tòi, khám phá và tiếp thu kiến thức hiệu quả.	Tham gia hội thi "Lớn lên cùng sách". Xây dựng không gian sách trong lớp học.
Gia đình	– Tạo môi trường đọc sách thuận lợi. – Khuyến khích và động viên con.		Gia đình có vai trò quyết định trong việc hình thành nhân cách và thói quen của con.	Theo nghiên cứu của Đại học Harvard, trẻ được cha mẹ đọc sách từ nhỏ có khả năng đọc viết tốt hơn.
Nhà trường	– Tổ chức đa dạng hoạt động đọc sách. – Lồng ghép đọc sách vào chương trình học.	Thư viện điện tử, các phần mềm quản lí thư viện, các trang web giới thiệu sách.	Khi nhà trường tạo môi trường đọc sách tích cực, học sinh có cơ hội tiếp cận đa dạng sách và khám phá thế giới tri thức.	Không gian Thư viện xanh của Trường THCS Đoàn Thị Điểm.



Tình mẫu tử là sự hi sinh thầm lặng nhưng vĩnh cửu. Trong số này, mời bạn đọc bài thơ *Mẹ* của nhà thơ Lê Minh Quốc để cảm nhận những yêu thương chất chứa, những nhọc nhằn lặng lẽ và cả nỗi nhớ khôn nguôi của người con dành cho mẹ. Và đừng quên tự hỏi: Mẹ đã thức dậy từ bao giờ để thắp sáng ngọn lửa yêu thương trong đời ta? Hãy cùng VH&TT lắng nghe và cảm nhận theo cách riêng của bạn nhé!

Mẹ

Bài thơ của **Lê Minh Quốc**

Khi con chim chích choè hót vang ngọn cau
mẹ thức dậy ngồi bên bếp lửa
mùa đông xô vào cánh cửa
gió lạnh lẽo xẻo buốt xương
những cơn ho đục khoét hết đêm trường
mẹ trơ trọi biết lấy gì chống chọi?
giông bão đi qua
hằn vết nhăn trên trán mẹ già
con thơ dại trèo lên cây bưởi hái hoa
đỏng đảnh bước xuống vườn cà
đâu thấy bóng mẹ run lẩy bẩy
như một tàu chuối khô
cha con đã mỏi mệt bước giang hồ
trang sách đặt trên tay nghĩ ngợi
điếu thuốc lào lập loè đêm tối
cát bụi cũng quạnh hiu
những đêm mưa ủ dột tiếng chim kêu
mẹ ru hời khắc khoải
mười tám tuổi con xa nhà đi bộ đội
đêm ngủ còn nghe mẹ gọi trong mơ
tiếng súng gầm lên trên trời Danrek(*)
khúc dân ca rách nát
đồng đội con có người đã chết
còn há mồm để được gọi mẹ ơi!
đêm đêm con thắp ngọn sao trời
hỏi gà gáy ven sông

(*) Danrek: địa danh sát biên giới Việt Nam – Campuchia.

mẹ dậy lúc nào khi trời chưa kịp sáng
bếp lửa nhen lúc nào mà bây giờ còn ấm?
con hỏi chõng tre
từ lúc nào mẹ cựa mình thức trắng?
tưởng tượng một ngày kia
trăng treo trên vòm trời Đà Nẵng rất khuya
mẹ khoẻ mạnh giã gạo
hương cau thơm rụng đầy sân nhà ông ngoại
thuở ấy mẹ mới về với cha
mới nghĩ vậy thôi con sung sướng khóc oà
một niềm vui vĩnh cửu...

Lời bình tác phẩm *Dòng sông mùa xuân*

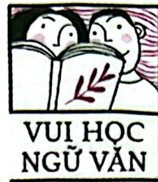
Dòng sông mùa xuân của Nguyễn Văn Song không mới về đề tài nhưng vẫn mang một nét đặc trưng rất riêng. Vẻ đẹp trong trẻo, nguyên sơ của thiên nhiên trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho thi ca. Ở đây, dòng sông không chỉ là cảnh sắc mà còn là điệu hồn dân tộc – trong xanh, êm đềm, thể hiện qua bút pháp giản dị mà tinh tế. Nghệ thuật lấy động tả tĩnh làm nổi bật cái tĩnh trong âm thanh qua hình ảnh: *"gió sông mát lành [...] thổi tung những lọn tóc và phần phật hoà vào tiếng cười, tiếng nói"* – êm ái mà vui tươi, ấm áp chứ không hiu quạnh. Cái tĩnh trong chuyển động được khắc hoạ qua *"phía xa, dòng sông mênh mang xanh thẳm đang loé lên những vệt sáng của nắng ấm"* hay *"những gọng vó kéo lên sáng loá ánh Mặt Trời"*. Dòng sông ấy lắng mà không u trầm, yên ả mà không tịch mịch, điểm xuyết ánh loé xa xa, tạo nên vẻ đẹp thuần khiết, như chưa từng bị nhuốm bởi những khắc nghiệt của thiên nhiên hay cuộc đời.

Trần Vũ Mai Vũ

Tổ 6, khu Phú Lộc, P. Phú Đức, TX. Bình Long, Bình Phước

Danh sách các bạn nhận quà khi tham gia gửi lời bình *Dòng sông mùa xuân*: **Đinh Ánh Dương**, 7A1, THCS Phúc Lợi, Q. Long Biên, Hà Nội; **Nguyễn Thị Ánh Ngọc**, 7A3, THCS Lê Văn Thiêm, TP. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh; **Trầm Thanh Tuấn**, ấp Long Trường, H. Trà Cú, Trà Vinh; **Phạm Thị Như Hoa**, Quán Nam, Q. Lê Chân, Hải Phòng; **Vũ Thuý Hồng**, GV. Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến, TX. Duy Tiên, Hà Nam; **Lê Thị Nho**, GV. Trường THPT Quang Trung, TP. Hưng Yên, Hưng Yên.







Thể lệ Cuộc thi Vui học Ngữ văn

Với mong muốn mở rộng không gian học tập, tạo sân chơi thú vị hoá việc học, *Tạp chí Toán học và Văn học trong nhà trường* – Viện Nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục tiếp tục tổ chức cuộc thi **Vui học Ngữ văn**. Cuộc thi hứa hẹn là một sân chơi bổ ích, lí thú giúp các bạn học sinh mở rộng kiến thức tiếng Việt, rèn luyện kĩ năng viết văn, phát huy năng lực tự học, năng lực kết nối văn học với cuộc sống.

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

Học sinh THCS và THPT toàn quốc.

II. NỘI DUNG CUỘC THI

Hàng tháng, Văn học và Tuổi trẻ đăng tải một đề thi Vui học Ngữ văn. Đề gồm 4 phần: *Phần Một – Khởi động, Phần Hai – Khám phá, Phần Ba – Tăng tốc, Phần Bốn – Về đích.*

III. THỂ THỨC

Mỗi thí sinh chỉ được gửi 1 bài dự thi mỗi tháng, trình bày dưới dạng văn bản chuẩn mực, khoa học. Học sinh có thể tham gia cả 4 phần hoặc chọn tham gia phần mình yêu thích, BTC sẽ chấm riêng từng phần để trao thưởng. Bài dự thi cần ghi rõ họ tên, lớp/trường, số điện thoại và địa chỉ liên hệ.

IV. TRAO THƯỞNG

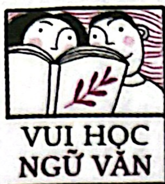
Hàng kì, BTC cuộc thi sẽ chấm và trao thưởng cho các bạn có kết quả tốt. Đặc biệt, kết thúc năm học, BTC sẽ tổng kết và trao giải cho các bạn học sinh tích cực tham gia và có bài dự thi đạt kết quả cao.

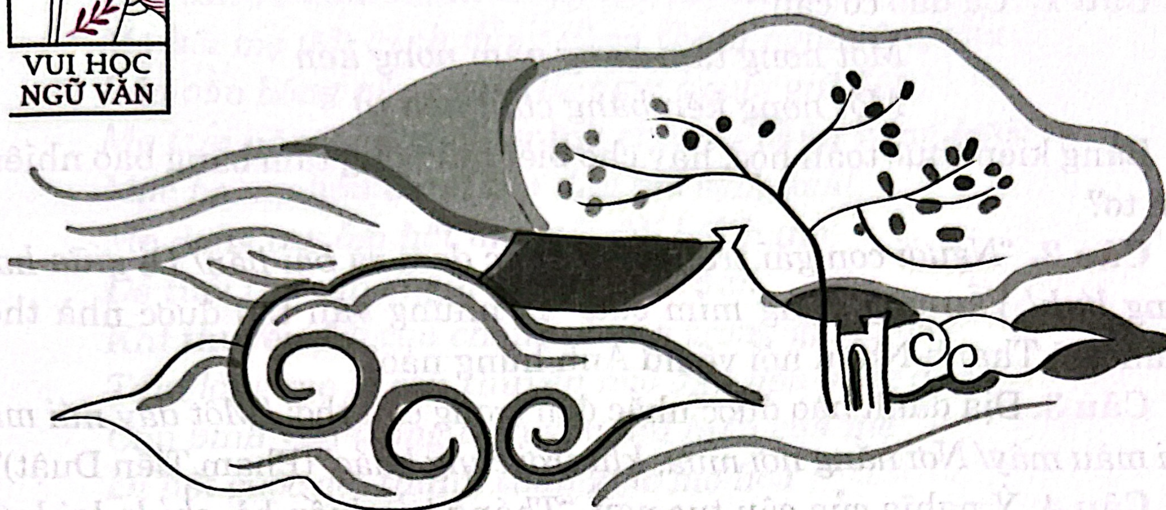
V. THỜI GIAN VÀ ĐỊA CHỈ NHẬN BÀI

– Bài dự thi gửi về email: **vuihocnguvan2022@gmail.com** hoặc gửi bài địa chỉ **Văn học và Tuổi trẻ**, 187B Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội. Số điện thoại: (024) 35122847.

– Tiêu đề thư ghi rõ: **Dự thi Vui học Ngữ văn.**

– Thời hạn nhận bài: Trước ngày 15 của tháng tiếp theo.





Vui học Ngữ văn

đề thi tháng 3.2025

Chủ đề: Những yêu thương

PHẦN MỘT: KHỞI ĐỘNG

Các bạn thân mến! Sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ đem đến chúng ta rất nhiều hiểu biết mới. Chẳng hạn như khi kết hợp yếu tố "quốc" với một số yếu tố khác, ta sẽ có những từ ngữ mang ý nghĩa riêng. Mời các bạn cùng khám phá bằng cách trả lời những câu hỏi dưới đây nhé!

1. Từ nào dùng để chỉ đất nước, lãnh thổ?
2. Từ nào dùng để chỉ chữ viết ngày nay của người Việt?
3. Từ nào dùng để chỉ lá cờ tượng trưng cho một đất nước?
4. Từ nào dùng để chỉ bài hát chính thức của một nước dùng trong nghi lễ trọng thể?
5. Từ nào dùng để chỉ huy hiệu tượng trưng cho một nước?
6. Từ nào dùng để chỉ những người học giỏi, danh tiếng trong nước?
7. Từ nào dùng để chỉ tài sản quý giá của nhà nước?
8. Từ nào dùng để chỉ con đường rộng lớn do nhà nước quản lí?
9. Từ nào dùng để chỉ một loài hoa là biểu tượng của đất nước?
10. Từ nào dùng để thể hiện tinh thần đặc biệt của dân tộc, tạo nên sức sống cho đất nước?

PHẦN HAI: KHÁM PHÁ

Câu 1. Ca dao có câu:

Một nong tằm bằng năm nong kén
Một nong kén bằng chín nén tơ

Bằng kiến thức toán học, hãy cho biết hai nong tằm bằng bao nhiêu nén tơ?

Câu 2. *"Người con gái trẻ măng/ Giặc đem ra bãi bắn/ Đi giữa hai hàng lính/ Vẫn ung dung mỉm cười"* là những vần thơ được nhà thơ Phan Thị Thanh Nhàn nói về nữ Anh hùng nào?

Câu 3. Địa danh nào được nhắc đến trong câu thơ: *"Một dãy núi mà hai màu mây/ Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác"* (Phạm Tiến Duật)?

Câu 4. Ý nghĩa của câu tục ngữ *"Tháng bảy kiến bò, chỉ lo lại lụt"* là gì?

Câu 5. Trong văn bản *Bài học từ cây cau*, theo tác giả Nguyễn Văn Học, mỗi người trong gia đình đều gắn bó và thân thuộc với cây cau như thế nào?

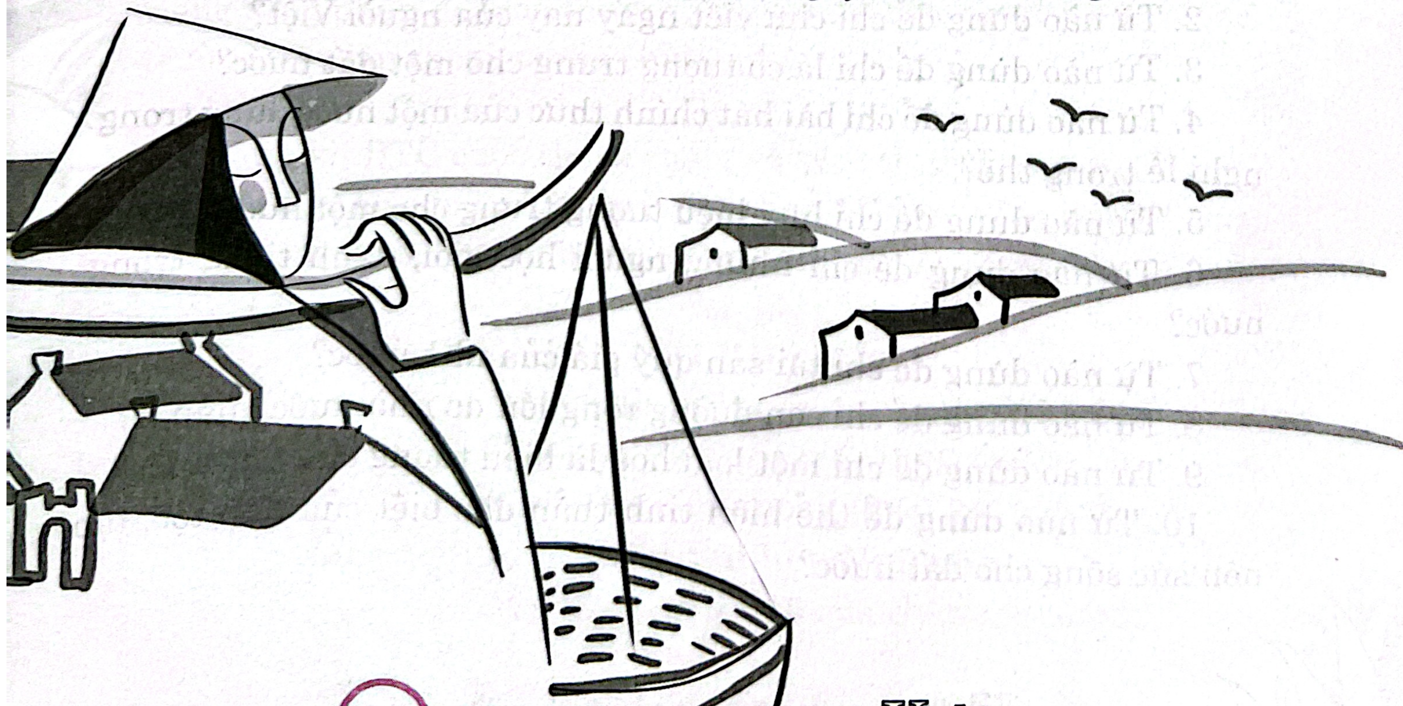
Câu 6. Nhà thơ nào đã khéo léo đưa các thành ngữ dân gian như *"năm thì mười hoạ"*, *"cố đấm ăn xôi"*, *"ba chìm bảy nổi"* vào tác phẩm để truyền tải thông điệp sâu sắc?

PHẦN BA: TĂNG TỐC

Đọc văn bản:

Cõng con đi hết một kiếp người

Mẹ cõng con đi hết một kiếp người
Bằng đôi cánh thiên thần của lòng bao dung
Và đôi vai gầy nhọc nhằn năm tháng
Chắp cánh bay cao những ước mơ ngày mai tươi sáng



Mẹ là bình minh trên dòng sông tinh khôi muôn đời vẫn chảy
Cho con về đắm mình trong hương đất chốn quê nhà
Mồ hôi mẹ ướt cánh đồng vàng thấm nghĩa ông cha
Lúa oằn bông nặng tình thương người giữ đất
Mẹ trải năm tháng đời mình cho con chân vững bước
Mặc hoàng hôn đang tím dần nơi sóng mắt
Mẹ dang tay ôm hết mọi nỗi đời bất hạnh
Để tuổi thơ con chạm ánh trăng rằm!
Khi thuyền đời con chòng chành trong giông bão
Tấm lòng mẹ là con thuyền neo đậu bến sông quê
Con bình yên trong tình yêu dịu hiền của mẹ
Đi hết cuộc đời thanh thản giấc mơ hoa
Mẹ thân yêu là ngọn lửa quê nhà
Sưởi ấm trái tim con trong dòng đời dông gió.

(Nguyễn Kim Hương,
nguồn: *vanvn.vn*, đăng ngày 09/02/2025)

Trả lời các câu hỏi sau:

1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

2. Chỉ ra những hình ảnh miêu tả người mẹ trong khổ thơ thứ hai.

3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong những câu thơ sau:

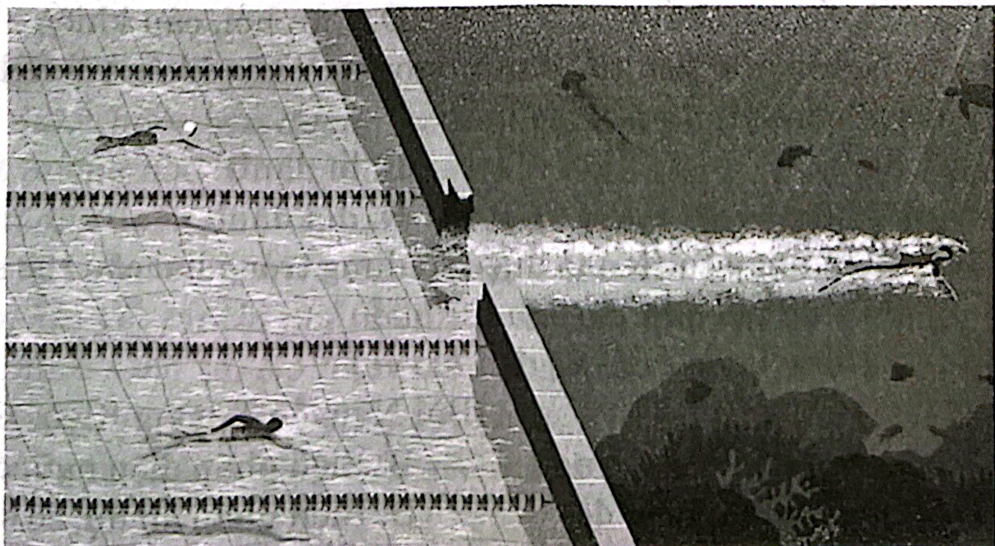
Khi thuyền đời con chòng chành trong giông bão
Tấm lòng mẹ là con thuyền neo đậu bến sông quê

4. Nhận xét tình cảm của nhà thơ thể hiện qua văn bản trên.

5. Từ văn bản trên, em có suy nghĩ gì về vai trò của gia đình đối với mỗi người?

PHẦN BỐN: VỀ ĐÍCH

Hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về thông điệp gợi ra từ bức tranh sau:



ĐỀ ÔN LUYỆN
CÂU LẠC BỘ VĂN – TOÁN TUỔI THƠ
ĐỀ CÁ NHÂN, MÔN NGỮ VĂN

(Thời gian làm bài: 60 phút)

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân loại các từ sau vào bảng:

a. thánh thót; b. rực rỡ; c. thăm thẳm; d. ríu rít; e. thình thịch; f. nhấp nhô; g. đủng đỉnh; h. xào xạc.

Từ tượng thanh	Từ tượng hình

Câu 2. Đọc văn bản sau:

Hội nhập là việc sông kết vào với biển, chứ không phải việc sông tan biến vào trong biển. Chúng ta gắn kết với thế giới, chứ không phải chúng ta tan biến vào thế giới.

Tuy nhiên, vấn đề là làm thế nào để hơn 80 triệu người không bị hoà lẫn và biến mất trong hơn 6000 triệu người? Làm thế nào để chúng ta vẫn nhận biết trong một thế giới dẹt, trong một làng toàn cầu? Câu trả lời cho thời kì hội nhập là bản sắc của cộng đồng chúng ta làm nên sự tồn tại của cộng đồng chúng ta. Nếu bản sắc của chúng ta bất diệt, thì chúng ta cũng ngàn đời bất diệt.

(Nguyễn Sĩ Dũng, *Bản sắc hành trang*)

Hãy cho biết tác giả Nguyễn Sĩ Dũng đã kết hợp các kiểu câu nào sau đây?

A. Câu kể, câu hỏi
B. Câu cảm, câu kể
C. Câu khiến, câu kể
D. Câu hỏi, câu khiến

Câu 3. Nghĩa của yếu tố *"danh"* trong từ nào khác với nghĩa của yếu tố *"danh"* còn lại?

A. quý danh
B. bí danh
C. danh nhân
D. địa danh

Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ sau?

Đừng vui quá. Sẽ đến lúc buồn
Đừng buồn quá. Sẽ đến lúc vui

(Bùi Nguyễn Trường Kiên, *Gửi con*)

A. Biện pháp ẩn dụ, điệp ngữ
B. Biện pháp điệp ngữ, đối
C. Biện pháp nhân hoá, đối
D. Biện pháp ẩn dụ, so sánh

Câu 5. Nối mỗi thành ngữ, tục ngữ ở cột A với một thành ngữ, tục ngữ gần nghĩa, đồng nghĩa ở cột B:

A	B
1. Đồng cam cộng khổ	a. Lời nói gói vàng
2. Cổ thụ bất thành lâm	b. Chung sức chung lòng
3. Nhất ngôn cửu đỉnh	c. Một cây làm chẳng nên non Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

Câu 6. Nghĩa hàm ẩn của câu ca dao sau là gì?

Anh hùng là anh hùng rơm
Châm cho mồi lửa hết cơn anh hùng

A. Ngợi ca tinh thần anh hùng, dũng cảm, bản lĩnh.

B. Châm biếm người yếu ớt, không có tài cán, sức mạnh gì nhưng thích khoe mẽ bản thân.

C. Châm biếm người thích huênh hoang, xem thường người khác.

D. Cười vui trước những điều trái ngang, kì lạ của thói đời.

Câu 7. Bằng những hiểu biết về luật thơ lục bát, chọn từ còn thiếu trong câu thơ sau:

Tôi nằm trên cánh đồng làng
Âm vang sóng lúa, âm vang tiếng đời
Nghe mùa cây trái ... ...
Tiếng cỏ mọc, tiếng bật chồi của cây?

(Lê Hồng Thiện, *Tôi nằm nghe đất*)

A. sinh sôi B. đâm bông C. xanh tươi D. ngào ngạt

Câu 8. Chỉ ra và nêu ngắn gọn tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

Ve kêu chín rụng trưa hè
Hàng phượng vĩ cháy lập loè khoảng không.

(Đỗ Toàn Diện, *Tiếng ve*)

Câu 9. Đọc đoạn trích sau:

Trong quán nước bên đường, có một cái ấm pha trà đã cũ. Vòi ấm bị sứt một miếng nhỏ. Chủ quán mấy lần định thay, nhưng vì chưa có tiền nên cứ để dùng tạm. Vả lại trông thế nhưng ấm còn tốt chán. Bản thân chiếc ấm như cũng hiểu được hoàn cảnh của ông chủ. Nó tự nhủ: mình đã bị khuyết tật thì phải cố làm việc cho tốt. Thế là ấm luôn chú ý giữ cho mình sạch sẽ. Nó hãm trà bằng nước sôi thật khéo, bao giờ trà cũng vừa chín và toả hương thơm phức. Khi rót trà ra chén, qua cái vòi bị sứt, nó cẩn thận không để nước rớt ra ngoài.

Cái ấm có phần hơi xấu xí ấy cứ tận tình phục vụ khách hết ngày này qua ngày khác. Lâu dần thành quen, ai vào quán cũng chỉ muốn dùng trà trong cái ấm sứt vòi. Mùa đông, có người pha trà xong, còn khum khum hai lòng bàn tay ôm lấy chiếc ấm thật lâu...

(Trần Đức Tiến, *Chiếc ấm sứt vòi*)

Chi tiết nào thể hiện chiếc ấm ý thức được về khuyết điểm của bản thân?

Câu 10. Trong tác phẩm *Cà Mau quê xứ*, tác giả Trần Tuấn viết:

*Thế là cãi nhau, hai thằng miền Trung, giữa **cái nắng miệt mài** bên những hạt phù sa sinh nở khởi từ hai chữ "quê nhà" ấy của thi sĩ đất Bắc.*

a. Hãy tìm các từ có thể kết hợp hợp lí với cụm từ "cái nắng" trong câu trên.

b. Có thể thay thế từ *"miệt mài"* bằng những từ vừa tìm được không? Vì sao

B. TỰ LUẬN NGẮN

Đọc bài thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Mẹ Tổ quốc

Nơi họ ngã
rừng đã xanh trở lại
Lối qua trường
tiếng trẻ
mọc sau mưa



Những Dốc Miếu, Cồn Tiên mờ khói đạn
chưa ngủ yên
trong mắt mẹ bao giờ
Không có lẽ
Mẹ chỉ là kí ức
một tượng đài trầm mặc ở trong thơ

Khi bất tử
Mẹ hoá thành Tổ quốc
đất là nơi máu thấm đến trổ cờ

Đất nhọc nhằn
những hạt giống tự do
nằm thao thức giữa bom, mìn, cạm bẫy

Chiến tranh qua rồi
các con không trở lại

mắt mẹ buồn dằng dặc dưới đêm sương

những người mẹ
bao năm còn trông ngóng
nắm xương con lưu lạc giữa âm thầm

những Đường 9, Khe Sanh còn khét lửa
mùa mưa qua
đâu chỗ các con nằm

Mẹ Tổ quốc chưa bao giờ yên ngủ
Mẹ Tổ quốc vẫn từng ngày ghi nhớ

những người con trong đất sẽ trở về
sẽ trở về trong kí ức rồi đi...

(Nguyễn Việt Chiến,
báo *Quân đội nhân dân*, đăng ngày 16/02/2015)

Câu 11. Người *"mẹ Tổ quốc"* được nhắc đến trong bài thơ là ai?

Câu 12. Cuộc sống hoà bình của đất nước được thể hiện qua những hình ảnh nào?

Câu 13. Trình bày cách hiểu của em về những câu thơ:

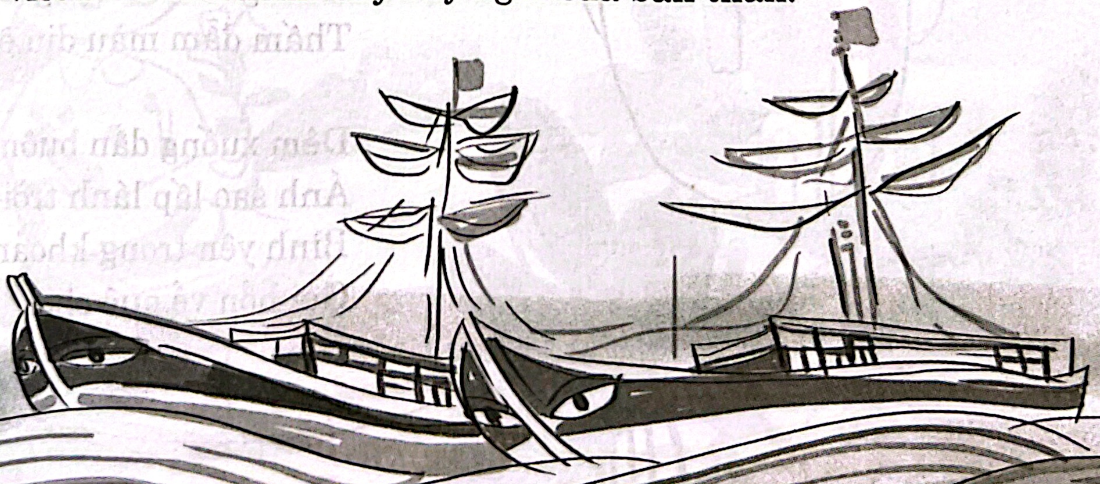
Khi bất tử
Mẹ hoá thành Tổ quốc
đất là nơi máu thấm đến trổ cờ

Câu 14. Chỉ ra và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ có trong bốn câu thơ cuối:

Mẹ Tổ quốc chưa bao giờ yên ngủ
Mẹ Tổ quốc vẫn từng ngày ghi nhớ

những người con trong đất sẽ trở về
sẽ trở về trong kí ức rồi đi...

Câu 15. Bài thơ đã để lại trong em suy nghĩ gì về hình ảnh *"mẹ Tổ quốc"*? Hãy viết 2 – 3 câu trình bày suy nghĩ của bản thân.



Chiều vàng bên sông

Võ Hải Anh
Lớp 7/1, THCS Lê Quí Đôn, TP. Vĩnh Long, Vĩnh Long

Chiều vàng in bóng nước
Gió nhẹ thoảng qua đây
Mây trôi về xa thẳm
Nhẹ nhàng vương sợi mây.

Trên sông thuyền lướt sóng
Lững lờ giữa mênh mông,
Dòng sông xanh biếc ấy
Ôm trọn trời mênh mông.

Cánh đồng xa ngả rạ
Lúa chín vội vàng reo
Người nông dân chăm chỉ
Vất vả mồ hôi theo.

Tiếng chim kêu ríu rít
Gọi nhau về tổ mềm,
Hoàng hôn rơi lặng lẽ
Thấm đẫm màu dịu êm.

Đêm xuống dần buông kín
Ánh sao lấp lánh trời
Bình yên trong khoảnh khắc
Gọi hồn về quê chơi.

Nắng sớm...

Huỳnh Thị Kim Cương
GV. Trường Mầm non Thuận Hoà, H. An Minh, Kiên Giang

Một sớm nắng tràn qua ô cửa
Những bãi bờ xanh thơm ngát hương quê
Bầy én liệng dệt mùa thương nhớ
Con đường quê e ấp dáng ai về?

Ngọn khói đồng xôn xao mắt biếc
Cánh diều xưa mơ gió lặng thầm
Bờ đê vắng những tiếng cười buổi sớm
Tuổi thơ có về trên lối cũ chiều qua.

Nhành hoa dại khẽ khàng bung nở
Bãi bờ xưa thắp nắng chân trời
Bài đồng dao trong ngần kí ức
Những tiếng ngày xưa vang vọng đến giờ.

Mái nhà quê dãi dầu năm tháng
Tiếng cơm sôi thao thức những hương thầm
Giàn mướp đắng trổ vàng trước ngõ
Ngày trở về nghe nắng sớm vỡ qua vai...



MÙA ĐẦU VĂN HỌC

BÀI DỰ THI CUỘC THI VIẾT
ƯƠM MẦM VĂN HỌC

Những ngày vắng mẹ

Nguyễn Phương Thảo
Lớp 10 Văn, THPT Chuyên Hà Tĩnh, TP. Hà Tĩnh, Hà Tĩnh

Tiết Toán hôm ấy, cô bé lặng lẽ đếm trên những đốt ngón tay: Một, hai,... Rồi bỗng khựng lại – mới chỉ hai ngày trôi qua thôi sao? Vậy mà nó cứ ngỡ đã trải qua cả một tuần dài đằng đẵng, nặng nề và đơn điệu. Mẹ đi vắng mấy hôm, để nó ở nhà cùng ba. Có lẽ, đây là lần đầu tiên nó cảm nhận rõ rệt sự chậm chạp của thời gian – và cả nỗi buồn đang len lỏi trong lòng.

Trên đường về nhà, cô bé lặng thinh, lòng đầy tâm sự – những điều mà người đàn ông duy nhất trong gia đình, ba nó, chẳng hề hay biết. Khoảng cách giữa hai ba con dường như càng xa hơn, trống vắng đến

lạ, như thể chính ba cũng đang nhớ mẹ. Những lúc thế này, chao ôi, nó thèm được nghe giọng mẹ biết bao! Những câu hỏi quan tâm mà ngày thường nó hay phớt lờ, giờ lại trở thành điều quý giá, nhắc nó nhớ rằng mình vẫn luôn được yêu thương.

Ba ngày mẹ vắng nhà, ba ngày căn bếp thiếu đi mùi hương ấm áp của hoa thuỷ tiên, thiếu tiếng nói cười quen thuộc. Không còn hình ảnh người phụ nữ dịu dàng vẫn hay cắm những bông hoa nhỏ xinh vào bình, cũng chẳng còn giọng nói êm đềm vang lên từ căn bếp mỗi chiều. Vẫn theo thói quen, nó khẽ cất tiếng khi bước vào nhà: “Hoa thuỷ tiên đẹp quá, mẹ nhỉ?”. Nhưng đáp lại chỉ là sự im lặng.

Bữa cơm cũng vì thế mà lặng lẽ hơn thường lệ. Nó không buồn kể dăm ba câu chuyện vu vơ như mọi khi, từng miếng cơm trong miệng bỗng trở nên nhạt thếch. Mâm cơm đủ ba món nhưng thiếu vắng một người. Ba và nó ăn trong im lặng. Người đàn ông đã có mười năm công tác biên phòng vốn dĩ ít nói, nay lại càng kiệm lời hơn. Hai ba con vốn đã ít chuyện trò, giờ khoảng cách dường như càng dài thêm. Mẹ đi công tác mà cứ như mang theo cả hơi ấm, cả sợi dây vô hình vẫn kết nối hai ba con lại với nhau.

Chú chó nhỏ Su cũng không nhảy cẫng lên như mọi ngày, chỉ nằm im lặng, ngước đôi mắt đượm buồn nhìn nó. Như hiểu được tâm trạng của người bạn nhỏ, nó khẽ vuốt ve bộ lông mềm mại, thì thầm: “Đừng buồn nhé, Su. Chỉ ba ngày thôi mà...”. Nhưng câu nói ấy không biết là dành cho Su, hay dành cho chính mình.

Chỉ ba ngày vắng mẹ, nó mới thấm thía nỗi nhớ da diết dành cho mẹ. Nhớ những câu bông đùa mà ngày thường nó hay cho là nhạt nhẽo trong bữa cơm, nhớ những lần hai mẹ con tranh luận xem bó hoa nào đẹp hơn, chiếc áo nào hợp hơn. Những ý nghĩ muốn rời xa nhà bỗng chốc tan biến. Nó chợt nhận ra, dù đã mười sáu tuổi, dù cố tỏ ra người lớn đến đâu, nó vẫn chỉ là đứa trẻ mong chờ mẹ trở về với những túi cà chua, cải thảo. Hoá ra, nó vẫn bé nhỏ trong vòng tay mẹ, vẫn cần mẹ như thuở lên năm, lên sáu.

Căn nhà gỗ vẫn lặng im, chỉ còn tiếng thở khẽ khàng cùng nỗi niềm chan chứa của cô bé tuổi mười sáu. Nó ngồi đó, chờ đợi, mong mỏi được nghe tiếng xe mẹ dừng ngoài cổng, mong mỏi giọng nói thân thương cất lên trong buổi chiều vắng lặng. Chỉ cần thế thôi, nó sẽ chạy ào ra, ôm chầm lấy mẹ như chưa từng được ôm, hít thật sâu mùi hương quen thuộc mà nó đã nhớ da diết suốt mấy ngày qua. Và lần này, nó sẽ nói lời yêu thương – điều mà suốt mười sáu năm qua, có lẽ, nó chưa từng dám thổ lộ.

MÙA ĐẦU VĂN HỌC

BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

NHÂN VẬT CỤ BEHRMAN – *người hoạ sĩ già giàu lòng nhân ái, có khát khao nghệ thuật chân chính*

Lê Thị Ngọc Ánh
Lớp 7A5, THCS Yên Lạc, H. Yên Lạc, Vĩnh Phúc

ĐỀ BÀI: Viết bài văn phân tích một nhân vật mà em ấn tượng trong tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* (O' Henry).

BÀI LÀM

Có những tác phẩm như một chiếc chìa khoá kì diệu, nó mở tung cánh cửa tâm hồn ta, khơi dậy biết bao xúc cảm miên man. Truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* của nhà văn O' Henry đã để lại trong tôi bao cảm xúc như thế. Trong đó, tôi ấn tượng nhất với nhân vật cụ Behrman – người hoạ sĩ già giàu lòng nhân ái, có khát vọng nghệ thuật cao đẹp.

O' Henry là nhà văn người Mỹ nổi tiếng với những truyện ngắn súc tích, đầy bất ngờ, gợi ra nhiều ý nghĩa sâu sắc. *Chiếc lá cuối cùng* là truyện ngắn tiêu biểu cho tài năng của O' Henry, với cốt truyện ngắn gọn nhưng đầy xúc động. Nhân vật Johnsy – một nữ hoạ sĩ mắc bệnh viêm phổi nặng – đã phó mặc số phận của mình cho chiếc lá thường xuân cuối cùng trên cành. Cô tin rằng khi chiếc lá rụng xuống, cuộc đời cô cũng sẽ chấm dứt. Người bạn cùng phòng là Sue và người hoạ sĩ già ở tầng trên – cụ Behrman đã hết sức lo lắng. Và rồi, vào một đêm giông bão, cụ Behrman đã vẽ một chiếc lá thường xuân hệt như thật thay thế cho chiếc lá rụng xuống. Johnsy đã vực dậy tinh thần, dần khôi phục sức khoẻ nhưng cụ Behrman lại bị viêm phổi và qua đời sau đó. Quả thật, nhà văn đã dành nhiều tâm

huyết để xây dựng nhân vật cụ Behrman, qua đó, ông gửi gắm những thông điệp nhân văn sâu sắc về tình người và sức mạnh của nghệ thuật.

Nhân vật cụ Behrman trong truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng* khiến chúng ta xúc động và cảm mến bởi tấm lòng nhân hậu của cụ. Khi đến thăm Johnsy, cụ chỉ ngồi, *"nhìn cây thường xuân"* và *"chẳng nói gì"*. Cụ biết rằng Johnsy không chỉ mắc bệnh viêm phổi mà còn có những suy nghĩ tiêu cực, khiến bệnh tình của cô ngày một nặng thêm. Ánh mắt *"nhìn cây thường xuân"* thể hiện sự lo lắng của cụ dành cho Johnsy. Bởi vậy, cụ đã vẽ chiếc lá trong đêm mưa giá rét với mong muốn cứu sống cô. Cụ mặc kệ sự khắc nghiệt của thời tiết và sức khoẻ của bản thân để hoàn thiện chiếc lá – một kiệt tác thật sự. Hành động đó là tình yêu thương cao cả bởi nó không vụ lợi. Đó còn là sự đồng cảm giữa những người cùng cảnh ngộ, chung mơ ước thật đẹp về nghệ thuật. Với việc khai thác nội tâm nhân vật chân thật và việc xây dựng tình huống bất ngờ đúng phong cách của O' Henry, nhà văn đã làm nổi bật nhân cách cao đẹp, trái tim dạt dào yêu thương ở nhân vật. Sự hi sinh cao cả của cụ khiến chúng ta chợt nhớ đến sự ấm áp của cậu bé Sơn trong truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa* của Thạch Lam. Cậu đã chân thành, vô tư đem cho Hiên chiếc áo bông ấm áp, quý giá. Có như vậy, chúng ta càng thấu hiểu sâu sắc sức mạnh của tình yêu thương sẽ cứu rỗi tâm hồn ta trong cuộc sống. Nếu cậu bé Sơn đã cho đi một vật hữu hình là chiếc áo bông thì cụ Behrman đã hi sinh cả tính mạng để cứu lấy Johnsy. Tình yêu thương cao cả của cụ đã cứu sống Johnsy và nhận lại sự biết ơn từ mọi người.

Bên cạnh đó, cụ Behrman còn là một hoạ sĩ với khao khát nghệ thuật đáng trân trọng. Suốt 40 năm, cụ mơ ước vẽ được một kiệt tác nhưng chưa thực hiện được. Cụ thường ngồi làm mẫu vẽ cho các hoạ sĩ để kiếm tiền. Đó là niềm đam mê cháy bỏng với nghề vẽ, là niềm lạc quan, tin tưởng vào cuộc sống. Đó cũng chính là khát khao của một người nghệ sĩ chân chính. Cụ đã vẽ chiếc lá thường xuân trong đêm mưa giá rét – một chiếc lá sống động như thật. Thậm chí, đến hai cô hoạ sĩ Sue và Johnsy cũng chẳng thể nào phân biệt được. Nó thực sự là một kiệt tác. Không chỉ đẹp ở màu sắc hay đường nét mà nó còn sống động như đời thật. Hơn hết, nó cứu rỗi tâm hồn Johnsy khỏi tuyệt vọng và bế tắc. Nghệ thuật thực sự phải cứu rỗi con người, làm cho người gần người hơn. Có như vậy, ta mới cảm nhận được sức mạnh của nghệ thuật chân chính.

Nhà văn O' Henry đã thành công trong việc khắc hoạ nhân vật cụ Behrman qua ngoại hình, hành động, suy nghĩ và qua cảm nhận của Sue và Johnsy. Ông cũng khéo léo sử dụng nghệ thuật đảo ngược tình

huống hai lần, không chỉ tăng tính hấp dẫn mà còn làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm. Lần đảo ngược đầu tiên, Johnsy từ một người bệnh tuyệt vọng, chỉ chờ chiếc lá cuối cùng rơi xuống để buông xuôi, lại dần hồi phục, yêu đời và chiến thắng bệnh tật. Sự hồi sinh ấy bắt nguồn từ nhận thức rằng sự sống quý giá biết bao – đến một chiếc lá cũng kiên cường bám trụ giữa giông bão, huống hồ con người. Lần đảo ngược thứ hai đầy bất ngờ và xót xa: cụ Behrman, một người khoẻ mạnh, lại ra đi vì căn bệnh viêm phổi. Chỉ khi ấy, người đọc mới nhận ra chính cụ là người đã mạo hiểm cả tính mạng để vẽ nên *"chiếc lá cuối cùng"* trong đêm mưa bão. Đó không chỉ là một kiệt tác cứu sống Johnsy mà còn trở thành biểu tượng của nghệ thuật chân chính và lòng nhân ái. Có thể nói, tài năng của O' Henry được thể hiện rõ qua nghệ thuật đảo ngược tình huống, dẫn dắt người đọc từ bất ngờ này đến bất ngờ khác, làm câu chuyện thêm hấp dẫn và giàu tính nhân văn. Hình tượng cụ Behrman và *"chiếc lá cuối cùng"* chính là sự kết tinh của nghệ thuật và lòng vị tha, khẳng định sức mạnh cứu rỗi của cái đẹp. Qua đó, nhà văn gửi gắm bài học sâu sắc về sự đồng cảm, sẻ chia trong cuộc sống, khơi dậy niềm đam mê, lạc quan và tin yêu vào nghệ thuật vị nhân sinh.

M. Gorki từng nói rằng: *"Văn học là nhân học"*. Quả đúng như vậy, văn học mang đến cho ta những giá trị nhân đạo sâu sắc. Và tác phẩm *Chiếc lá cuối cùng* đã gửi gắm cho ta các bài học nhân văn qua nhân vật cụ Behrman – người hoạ sĩ già giàu lòng nhân ái, có khát khao nghệ thuật chân chính. Phải chăng, dẫu cuộc đời đầy xót xa, mất mát, vẻ đẹp của sự sống và tình người vẫn luôn ngời sáng?



Thói đố kị...

Hoàng Phương Anh
Lớp 9A5, TH, THCS & THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm,
TP. Hạ Long, Quảng Ninh

ĐỀ BÀI: Viết một bài văn trình bày suy nghĩ của em về thói đố kị.

BÀI LÀM



Cuộc sống không ngừng vận động, mỗi ngày trôi qua, ai cũng đều nỗ lực vươn lên để phát triển. Mỗi người mang một vai trò, một trách nhiệm riêng, cùng nhau góp phần xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp. Tuy nhiên, trong guồng quay ấy, thói đố kị vẫn âm thầm len lỏi, trở thành rào cản cho sự tiến bộ. Đố kị không chỉ khiến con người hao mòn ý chí mà còn là liều thuốc độc, nếu không sớm loại bỏ, sẽ huỷ hoại cả tâm hồn lẫn cuộc sống của chúng ta.

Vậy thói đố kị là gì? Đố kị là thái độ ghen tị thái quá với những điều tốt đẹp mà người khác có, trong khi bản thân người đố kị không có được. Khi chứng kiến những thành tựu của người khác, con người có xu hướng sinh lòng ghen ghét, họ cảm thấy bất công bằng vì bản thân không có được. Dần dần, điều này trở thành một thói quen, hình thành một tính cách không hề tích cực. Những người có thói đố kị thường ganh ghét với thành công của người khác thay vì nỗ lực để đạt được điều đó. Họ không tạo cơ hội học hỏi, đúc kết kinh nghiệm từ mọi người xung quanh mà lại cảm thấy căm ghét người khác, tự cho rằng bản thân phải có được nó và đã tự huỷ hoại các mối quan hệ xã hội cũng như huỷ hoại chính bản thân mình. Thói đố kị chính là một thói hư tật xấu của xã hội hiện đại.

Vì sao con người lại có thói đố kị? Thói đố kị xuất phát từ sự thiếu hiểu biết, lòng tham, tính ích kỉ, sự cố chấp, tầm nhìn hẹp hòi của con người. Họ chỉ biết ganh tị với những thành tựu của người khác mà

không quan tâm đến quá trình gian nan mà người ta phải trải qua. Đồng thời chính người đang ghen tị ấy đang không có sự nỗ lực học hỏi nhiều hơn, mà chỉ biết ganh ghét, so sánh với người khác. Điều này sẽ để lại những hậu quả nghiêm trọng.

Khi mang trong mình thói đố kị, chính bản thân ta đang tự cản trở con đường dẫn đến thành công. Người đố kị không có tinh thần học hỏi, luôn chìm đắm trong cảm xúc tiêu cực và bất mãn với những người xung quanh. Chính thái độ sống ấy khiến họ mãi giậm chân tại chỗ, không thể phát triển hay hoàn thiện bản thân. Không chỉ dừng lại ở việc kìm hãm chính mình, sự ganh ghét còn làm tổn hại đến các mối quan hệ xung quanh, khiến con người xa cách, mất đi sự gắn kết, thậm chí gây chia rẽ trong cộng đồng. Khi ấy, ta vô tình tự cô lập bản thân ngay trong chính môi trường sống của mình. Đáng buồn hơn, sự đố kị đôi khi còn tước đi cơ hội phát triển của những người tài giỏi, đẩy họ đến những kết cục cay đắng. Như nhiều trường hợp trên mạng xã hội hiện nay, vì ganh ghét, đố kị với thành công của người khác mà cộng đồng mạng tung ra những thông tin sai lệch, hòng huỷ hoại thanh danh, uy tín của người đó. Trên mạng xã hội, ta chỉ thường thấy vẻ bề ngoài của những thông tin, của sự thành công, hào nhoáng, mà không biết hết được sự thật phía sau, càng dễ lan truyền những thông tin độc hại. Đã có rất nhiều kết cục thương tâm xảy ra chỉ vì những thông tin sai lệch như vậy. Tâm lí đố kị bởi vậy không chỉ huỷ hoại cá nhân mà còn có thể cản trở sự phát triển chung của xã hội.

Edmondo De Amicis đã từng nói: *“Đừng để con rắn ghen tị luồn vào trong tim. Đó là một con rắn độc, nó gặm mòn khối óc và làm đồi bại trái tim.”*. Hiểu rõ những hậu quả mà thói đố kị gây ra, mỗi chúng ta cần học cách kiểm soát cảm xúc, tích cực học tập để tự tiến bộ, biết sẻ chia, chung vui cùng thành tích của bạn bè và thành tựu của tập thể. Người lớn cần làm gương cho con trẻ về thái độ sống chan hoà, định hướng tốt cho con về thái độ sống, cách sống. Và quan trọng hơn hết là mỗi cá nhân, mỗi chủ thể sống của xã hội phải luôn tự tin, tự hào về công việc của bản thân, kiên trì theo đuổi mục tiêu sống của mình để từ đó có những thành tựu riêng cho mình.

Như vậy, có thể thấy thói đố kị chẳng khác nào lưỡi dao sắc bén, âm thầm bào mòn tâm hồn con người. Nếu không sớm nhận diện và loại bỏ, nó sẽ cản trở ta vươn tới thành công và hạnh phúc. Vì vậy, mỗi người cần không ngừng trau dồi kiến thức, rèn luyện đạo đức, biết sống tự tin, tích cực và chân thành sẻ chia. Khi ta trân trọng niềm vui của người khác, cuộc sống cũng trở nên ý nghĩa và giàu giá trị hơn.

"Tuổi thơ dữ dội" – ngọn lửa không tắt của tuổi trẻ

Chu Thị Bảo Ngọc
Lớp 11D6, THPT Khoa học Giáo dục, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

ĐỀ BÀI: Viết cảm nhận của em về một tác phẩm văn học.

BÀI LÀM



Vào sinh nhật tuổi 13 của người em họ mà tôi rất quý mến, tôi đã tặng em một cuốn sách. Em bất ngờ nhưng vẫn vui vẻ nhận lấy. Có lẽ, trong thời đại này, hiếm ai còn tặng sách làm quà sinh nhật.

Khi cẩn thận tháo lớp giấy gói, em sẽ thấy trang bìa sách rực đỏ với bốn chữ *Tuổi thơ dữ dội*. Cuốn sách được tôi viết lời đề tựa trên trang đầu tiên: *"Động lòng trí"* vì tôi muốn nói với em rằng, cuốn sách đã chạm đến trái tim của người đọc, khơi dậy biết bao rung động sâu xa.

Tôi hi vọng, những điều tôi viết sau đây sẽ giúp em hiểu vì sao tôi tặng em món quà đặc biệt ấy. Hiểu vì sao quà sinh nhật tuổi 13 của em không phải là siêu nhân, robot mô hình, máy bay điều khiển hay bất kì món đồ chơi nào khác. Em sẽ đọc *Tuổi thơ dữ dội* ở tuổi 13, giống như bốn năm trước, chị gái của em đã đọc cuốn sách này cũng ở tuổi 13. Bởi hơn 75 năm trước, những chiến sĩ thiếu niên Việt Nam đã đứng lên chiến đấu, đã sống và hi sinh vì Tổ quốc, cũng ở độ tuổi ngây thơ, đẹp đẽ như em bây giờ. Tôi tin bất kì ai sinh ra mang máu đỏ da vàng cũng cần đọc cuốn sách ít nhất một lần trong đời!

Tôi biết đến *Tuổi thơ dữ dội* trước khi biết đến nhà văn Phùng Quán. Nhưng khi tìm hiểu về ông, tôi ngay lập tức cảm thấy yêu quý và kính trọng con người của nhà văn – một cây bút tài năng, được biết đến với lối viết chân thật, giản dị nhưng đầy sức lay động. Ông từng viết:

Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật.
[...]
Tôi muốn làm nhà văn chân thật, chân thật trọn đời
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá.

(Phùng Quán, *Lời mẹ dặn*)

Và quả thực, sự chân thật ấy đã thấm đẫm trong từng trang viết của *Tuổi thơ dữ dội*. Được sáng tác trong suốt 18 năm (1968 – 1986), tác phẩm không chỉ là câu chuyện về tuổi thơ trong bom đạn, mà còn là khúc tráng ca về lòng yêu nước và tinh thần quật khởi của thế hệ trẻ.

Tuổi thơ dữ dội, với những kí ức về Đội thiếu niên trinh sát trung đoàn Trần Cao Vân, có thể khiến ta cùng khóc, cùng cười.

Cột lửa mỗi lúc dựng cao hơn, toả rộng, chiếu đỏ rực cả bầu trời thành phố.

Thân hình trần trụi, nhỏ bé mà lẫm liệt của người chiến sĩ thiếu niên đứng chon von trên đầu bọn giặc nước, cùng với cây cột thép thu lôi, mỗi lúc càng thêm lồ lộ rực rỡ trên cái nền đỏ chói chang dữ dội ấy, tưởng như chính lửa đã tạc khắc lên...

Tác phẩm *Tuổi thơ dữ dội* gồm ba phần lớn: *Đi tìm thuốc cho mẹ*, *Vượt ngục* và *Núi mẹ con em Mừng*. Mỗi phần khắc hoạ những câu chuyện riêng trong từng giai đoạn kháng chiến của Đội thiếu niên trinh sát. Thông thường, người đọc sẽ tìm hiểu tác phẩm theo từng phần, nhưng với tôi, tôi lại muốn tiếp cận từ các nhân vật. Mỗi nhân vật trong *Tuổi thơ dữ dội* đều mang trong mình những số phận, tính cách riêng, nhưng tất cả đều gặp nhau ở tinh thần yêu nước, lòng dũng cảm, ý chí anh hùng, sẵn sàng hi sinh. Chính họ đã cùng nhau tạo nên một khúc hùng ca về tượng đài bất tử của thiếu niên Việt Nam.

Nếu Cách Mạng là một dòng sông, và cuộc đời của mỗi chiến sĩ là một con suối đổ vào dòng sông đó, thì các em lại là những tia nước nhỏ bé, bất ngờ vọt ra từ một kẽ đá, một vết nứt trên thân cây, hoặc trút xuống từ một đài hoa gió thổi nghiêng... Nhưng cái điều kì thú là những tia nước mỏng manh nhỏ bé ấy đã tự len lỏi hoà vào dòng sông Cách Mạng hùng vĩ, lúc nào không ai hay.

Trong số các nhân vật, Lượm là người tôi yêu mến và khâm phục nhất. Mồ côi cha từ năm hai tuổi, xuất thân từ một gia đình cách

mạng, có lẽ tinh thần yêu nước và ý chí chiến đấu đã thấm vào Lượm từ thuở ấu thơ. Khi mới 14 tuổi, cậu đã gia nhập Vệ Quốc Đoàn. Ít ai ngờ rằng, đằng sau dáng vẻ nhỏ con, đen nhẻm như đứa trẻ chăn trâu, miệng còn sún hai chiếc răng cửa, lại là một chiến sĩ gan góc, quật cường, mưu trí đến mức khiến cả Ty An ninh, Sở Mật thám Phòng Nhì của giặc phải e sợ. Phần *Vượt ngục* với những kế hoạch trốn thoát đầy kịch tính của Lượm, Thúi, Lép-sẹo chắc chắn sẽ cuốn hút bất kì độc giả nào cho đến trang cuối cùng. Ngoài lòng dũng cảm, sự kiên cường, thông minh, ở Lượm còn có một phẩm chất khiến tôi vô cùng khâm phục: tinh thần phản kháng mạnh mẽ. Lượm không bao giờ cúi đầu khuất phục trước bất kì ai. Cả Tây lẫn ta, cả người lẫn chó, hễ ai động đến cậu, cậu đều tìm cách vùng lên phản đòn. Tinh thần cứng cỏi ấy khiến tôi nhận ra, Lượm không chỉ là một nhân vật mà còn là biểu tượng cho tinh thần quật khởi của cả dân tộc: không bao giờ chịu khuất phục trước áp bức cường quyền, không bao giờ cam chịu sống đời nô lệ.

Tôi cũng yêu mến và ngưỡng mộ Vịnh-sưa, cậu bé tiểu đội trưởng gương mẫu của đội. Em sống ngay thẳng, hiên ngang và ra đi trong tư thế lẫm liệt. Dáng đứng hi sinh của em – sừng sững trên đầu quân giặc, giữa bầu trời khói lửa mịt mù – khiến tôi xúc động thốt lên: "Đây là cái chết đẹp nhất mình từng thấy! Là cái chết đẹp nhất trong đời!".

Tôi xót xa, thương cảm cho Mừng – cậu bé còn non nớt nhưng đã gánh vác cả việc nước lẫn việc nhà. Câu chuyện em trốn vào Vệ Quốc Đoàn chỉ để hái bằng được bó tầm gửi trên cây bút khiến tôi không cầm được nước mắt. Mừng dũng cảm, nhanh trí, nhưng cuối cùng lại bị nghi oan là Việt gian chỉ vì ngây thơ tin lời kẻ phản bội Kim-điệu. Lời cầu xin khẩn thiết của cậu bé 13 tuổi: *"Anh ơi, anh đừng nghi em là Việt gian nữa anh hí!"*, đã chạm đến trái tim tôi và bao thế hệ bạn đọc, mãi thổn thức, âm vang đến tận bây giờ...

Còn biết bao nhân vật: Quỳnh-sơn-ca, Tư-dát, Vệ-to-đầu,... Các em mang trong mình tình yêu quê hương, khát khao chiến đấu và tinh thần xả thân dũng cảm. Dưới ngòi bút tài hoa của Phùng Quán, thế hệ thiếu niên Việt Nam hiện lên như một bức chân dung rực rỡ, sống động. Giữa khói lửa chiến tranh, các em vẫn hồn nhiên thích chơi trò chọi dế. Nước mắt và nụ cười đan xen, tạo nên bản giao hưởng đầy cảm xúc của *Tuổi thơ dữ dội*.

Tuổi thơ dữ dội đã đánh thức trong tôi – một đứa trẻ 13 tuổi – những xúc cảm mãnh liệt đầu tiên: xúc động, tự hào, căm giận, yêu thương,... Lần đầu tiên, tôi thực sự hiểu thế nào là lòng yêu nước!

Dòng nước mắt và tiếng hát vô biên

Yên Minh Huy
Lớp 12D5, THPT Lê Quý Đôn, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

ĐỀ BÀI:

"Nghệ thuật tạo vẻ đẹp cho những dòng nước mắt và biến nỗi thống khổ của nhân loại thành tiếng hát vô biên." (Đặng Tiến).

Bằng trải nghiệm văn học, anh/chị hãy nêu suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

BÀI LÀM

Nguyễn Văn Thạc từng viết: *"Cuộc sống còn tuyệt vời biết bao trong thực tế và trên trang sách. Nhưng cuộc sống cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn niềm sầu muộn, cái nên thơ còn lóng lánh những giọt nước mắt ở đời."*. Thật vậy, nỗi đau không chỉ là một phần tất yếu của kiếp người mà còn trở thành chất liệu hun đúc giá trị thẩm mĩ trong nghệ thuật. Văn học không che giấu nỗi thống khổ mà nâng niu, chuyển hoá nó thành những thanh âm bất tận, chạm đến chiều sâu cảm xúc con người. Từ ý nghĩa ấy, Đặng Tiến khẳng định: *"Nghệ thuật tạo vẻ đẹp cho những dòng nước mắt và biến nỗi thống khổ của nhân loại trở thành tiếng hát vô biên."*.

Nhận định trên đã mở ra một góc nhìn sâu sắc về nghệ thuật. *"Nghệ thuật"* không chỉ là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, phản ánh hiện thực mà còn là nơi con người gửi gắm những suy tư, trăn trở về cuộc đời. Và văn chương chính là nghệ thuật của ngôn từ. *"Những giọt nước mắt"* tượng trưng cho nỗi đau khổ, bất hạnh, tuyệt vọng hay những bi kịch của kiếp người. Nhưng chính văn học đã nâng tầm những nỗi đau ấy, biến chúng thành giá trị thẩm mĩ, khơi gợi sự rung động sâu xa trong lòng độc giả. *"Tiếng hát vô biên"* là biểu tượng cho sự lan toả, là những thanh âm bất tận mà văn chương cất lên để phản ánh hiện thực, vừa bộc lộ niềm xót xa, day dứt, vừa là lời động viên, an ủi con người trước những mất mát, đau thương. Văn học không chỉ ghi dấu nỗi thống khổ mà còn truyền cảm hứng để con người mạnh mẽ bước qua bi kịch. Nhận định của Đặng Tiến đã làm sáng tỏ giá trị cốt

lõi của văn chương: nâng đỡ tâm hồn, khắc hoạ nỗi đau nhưng không che mờ hiện thực.

Tại sao nghệ thuật lại tạo vẻ đẹp cho những dòng nước mắt? Maksim Gorky cho rằng: *"Văn học là nhân học"*. Nguyễn Minh Châu cũng khẳng định: *"Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người"*. Trong văn chương, con người hiện lên với muôn hình vạn trạng – niềm vui, khát vọng, và cả những tận cùng của nỗi đau. Văn học chưa bao giờ ngoảnh mặt trước bi kịch, ngược lại, chính từ đó, nghệ thuật kết tinh thành những tác phẩm bất hủ:

Lời tuyệt vọng là lời ca hay nhất
Tiếng nấc kia chứa tuyệt bút muôn đời.
(Muytxe)

Vẻ đẹp trong văn chương không chỉ là sự rực rỡ, lãng mạn, mà còn sinh ra từ khổ đau. Văn học nâng niu những nỗi thống khổ, biến chúng thành thanh âm bất tận của nhân loại. Chính từ những nỗi đau cùng cực, văn chương khám phá vẻ đẹp tiềm ẩn – tình thương, hi vọng, khát vọng sống. Nghệ thuật không thể xoa dịu mọi bi kịch, nhưng bằng cách khắc hoạ con người trước nghịch cảnh, văn học soi rọi ánh sáng vào nhân tính, khiến nỗi đau mang một ý nghĩa sâu sắc hơn. Tuy nhiên, để chạm đến tận cùng tâm hồn con người, người cầm bút không chỉ cần tài năng, mà còn phải có trái tim tràn đầy yêu thương. Nhà văn Pháp Elsa Triolet từng nói: *"Nhà văn là người cho máu"*. Bởi vậy, giọt nước mắt của Chí Phèo (trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao) tuy rơi xuống từ tận cùng tuyệt vọng, nhưng khi được khúc xạ qua tình thương của nhà văn, nó đã trở thành *"hạt minh châu của lòng người"*.

Tại sao nghệ thuật có thể biến nỗi thống khổ thành tiếng hát vô biên? Văn học không chỉ lưu giữ tiếng khóc, mà còn ươm mầm hi vọng. Khi tác phẩm văn học cất giữ nỗi đau nhân loại, những mảnh đất khô cằn của mất mát lại có thể nở hoa yêu thương. Như Lê Ngọc Trà từng nói: *"Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư"*. Một tác phẩm chỉ thực sự sống khi trang sách khép lại – khi nó chạm đến tâm hồn độc giả, để lại những rung động khó phai, trở thành tiếng hát vô biên của nhân loại.

Từ những nỗi đau riêng lẻ, những số phận cụ thể, văn học đã chuyển hoá thành những bài ca bất hủ. Những câu hát ấy không thể cất lên từ những cảm xúc hời hợt, giả tạo, mà chỉ vang vọng mãi với thời gian nếu nó chuyên chở những giá trị chân thực và sâu sắc. Chỉ khi con người cất lên tiếng khóc tận sâu trong đáy lòng, văn chương mới thực sự tìm thấy khoảnh khắc quý giá nhất của nó.

Nỗi đau của con người luôn là một đề tài quen thuộc trong văn học. Sau Cách mạng, Kim Lân kế thừa và thể hiện điều này theo cách riêng qua truyện ngắn *Vợ nhặt*. Trong tác phẩm, bà cụ Tứ là nhân vật có tâm lí phức tạp, thể hiện sâu sắc thân phận con người trong đói khát. Giọt nước mắt của bà là minh chứng cho những nỗi niềm chồng chất. Giữa bầu không khí *"tối sầm lại vì đói khát"*, người mẹ già nua, suốt đời lo toan ấy đón nhận mọi chuyện bằng những giọt nước mắt *"rỉ xuống"*. Niềm vui và nỗi lo đan xen trong sự im lặng: vui vì giữa cảnh người ta phải bán vợ đợ con, Tràng lại có được vợ; nhưng cũng trĩu nặng âu lo: *"Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không"* và *"người ta dựng vợ gả chồng cho con là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Còn mình thì..."*. Giọt nước mắt ấy kết tinh cả một đời người, chứa đựng biết bao suy tư. Dù hoàn cảnh ngặt nghèo, bà vẫn gắng gượng vun vén, động viên con dâu bằng lời dặn dò đầy hi vọng: *"Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời?"*. Qua nhân vật bà cụ Tứ, Kim Lân không chỉ khắc hoạ nỗi khổ của con người mà còn tôn vinh khát vọng sống. Ông trân trọng hiện thực nhưng không sa vào bi luỵ. Bằng tấm lòng nhân đạo sâu sắc, ông sống trọn vẹn với nhân vật, để rồi từ trong bóng tối của nghèo đói, ông tìm thấy những tia sáng đẹp đẽ nhất của nhân cách con người.

Nhà văn Nga Aitmatov từng nhận định: *"Tác phẩm văn học chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện."*. Những nỗi đau, khi được chuyển hoá qua lăng kính văn chương, sẽ ngân vang mãi như những khúc hát bất tận. Nhờ đó, văn học sẽ còn mãi với dòng chảy thời gian, in dấu sâu đậm trong lòng người đọc.

Tuy nhiên, những xúc cảm chân thật chỉ có thể cất lên từ tận đáy lòng người cầm bút. Không ai có thể tái hiện giọt nước mắt nhân loại một cách hời hợt, càng không thể lợi dụng nỗi đau để đánh bóng tên tuổi. Viết về thống khổ không chỉ là một hành động nghệ thuật, mà còn là một sứ mệnh nhân văn. Trước khi viết về nhân đạo, nhà văn phải sống một đời nhân đạo. Chỉ khi thấm thía nỗi đau, trăn trở cùng kiếp người, họ mới có thể biến từng giọt nước mắt thành giá trị lấp lánh bất diệt, để văn chương thực sự hoàn thành sứ mệnh thanh lọc tâm hồn.

Nhận định của Đặng Tiến hoàn toàn chính xác và sâu sắc. Những số phận đau thương, những giọt nước mắt không bao giờ bị lãng quên, mà luôn được các nhà văn – "những nhà nhân đạo từ trong cốt tuỷ" – chắt lọc thành vẻ đẹp thanh cao. Đó là vẻ đẹp của ước mơ, của khát vọng, của những con người bình dị nhưng cao thượng. Và chính điều đó đã thôi thúc các nhà văn cầm bút, viết nên những thanh âm trong trẻo qua từng trang giấy.

THỂ LỆ CUỘC THI
Ra đề văn hay - viết ngay đoạn ngắn

*Nhằm rèn luyện kĩ năng viết văn và đáp ứng yêu cầu của các kì thi quan trọng, đồng thời khuyến khích học sinh phát huy sự sáng tạo trong môn Ngữ văn, Tạp chí Toán học và Văn học trong nhà trường tổ chức cuộc thi **Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn** trên kì Văn học và Tuổi trẻ.*

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

– Giáo viên, giảng viên các trường trên toàn quốc (ra đề bài cho học sinh).

– Học sinh THCS và THPT trên toàn quốc (tham gia viết đoạn ngắn).

II. THỜI GIAN: từ 01/01/2025 đến hết ngày 30/05/2025.

III. NỘI DUNG CUỘC THI

* Dành cho giáo viên:

– Giáo viên tham gia gửi đề viết đoạn văn nghị luận văn học hoặc đoạn văn nghị luận xã hội, kèm gợi ý làm bài cụ thể.

– Yêu cầu: Đề bài cần rõ ràng, có tính sáng tạo và khả năng khơi gợi tư duy của học sinh; có mức độ phù hợp với học sinh THCS và THPT theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn.

* Dành cho học sinh: Mỗi thí sinh tham gia viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài mà *Văn học và Tuổi trẻ* đăng tải trên các kì.

IV. CƠ CẤU GIẢI THƯỞNG

Đề bài và đoạn viết tốt sẽ được trao phần thưởng và chọn đăng trên ấn phẩm *Văn học và Tuổi trẻ* hàng tháng.

V. CÁCH THỨC GỬI BÀI

– Gửi bài qua email:

+ Email: *radevanhay.vietngaydoannngan2025@gmail.com*

+ Tiêu đề email: *Dự thi Cuộc thi Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn.*

– Lưu ý:

+ Bài dự thi phải có đầy đủ thông tin về họ và tên, trường học, địa chỉ và số điện thoại liên hệ.

+ Bài dự thi cần được trình bày khoa học, sạch sẽ, chưa được xuất bản thành sách, báo hay đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.



Thông tin chi tiết **Cuộc thi Ra đề văn hay – viết ngay đoạn ngắn** xem tại fanpage Văn học và Tuổi trẻ.

Cuộc thi viết
ƯƠM MẦM VĂN HỌC



Đối tượng: Các bạn học sinh THCS & THPT trên toàn quốc.

Nội dung và hình thức tác phẩm: Viết về những chủ đề gần gũi trong cuộc sống, phù hợp với lứa tuổi (tuổi học trò, mái trường, gia đình, thiên nhiên, cộng đồng, quê hương, đất nước,...) thuộc các thể loại: văn xuôi (tản văn, truyện ngắn,...); thơ (tất cả các thể thơ); tranh truyện, truyện tranh.

Bài dự thi gửi về: uommamvanhoc.vhtt@gmail.com hoặc gửi trực tiếp theo địa chỉ: Văn học và Tuổi trẻ, 187B Giảng Võ, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội; Số điện thoại: (024) 35122847.

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CUỘC THI
QUÉT MÃ QR



Thể lệ



Nhóm cuộc thi



Giá: 20.000 đồng